



CỤC THỐNG KÊ

CHI CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số liệu

KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2025



MỤC LỤC

☐	Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....	1
☐	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....	5
☐	Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng 3 và quý I năm 2025.....	8
☐	Nông nghiệp và thủy sản.....	9
☐	Công nghiệp.....	10
☐	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.....	12
☐	Giải ngân vốn đầu tư công.....	14
☐	Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....	15
☐	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....	17
☐	Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....	19
☐	Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....	21
☐	Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....	23
☐	Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	25
☐	Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....	26
☐	Tình hình dịch bệnh.....	27
☐	Số liệu KT-XH 5 TP trực thuộc Trung ương.....	28



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Tổng sản phẩm trên địa bàn ước quý I/2025 tăng 7,15% so với cùng kỳ năm trước, đứng thứ hạng 6 trong vùng ĐBSCL (sau các tỉnh Hậu Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre và Long An).



Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Giá trị tăng thêm của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2025 ước tăng 1,49%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Khu vực công nghiệp và xây dựng: Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp và xây dựng tăng 7,46%, đóng góp 2,30 điểm phần trăm vào mức tăng chung của nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp tăng 7,06% và xây dựng tăng 9,29% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực dịch vụ: Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ tăng 8,84%, đóng góp 4,53



Cơ cấu GRDP của thành phố quý I/2025 như sau: Khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản) chiếm 10,25%; khu vực II (công nghiệp và xây dựng) chiếm 30,38%; khu vực III (Dịch vụ) chiếm 53,01%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,36%.



Lúa đông xuân đã xuống giống 72.031 ha giảm 1,07% hay 782 ha so với vụ cùng kỳ năm trước, đến thời điểm hiện nay đã thu hoạch 72.031 ha, ước năng suất đạt 74,67 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha so vụ đông xuân năm 2024. Lúa hè thu đã xuống giống 61.963 ha thấp hơn 91 ha so với cùng kỳ.



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



Thời điểm tháng 3/2025, đàn trâu 251 con, tăng 3,72%; đàn bò 3.711 con, giảm 12,17%; đàn lợn 126.219 con, giảm 0,71% so cùng kỳ; đàn gia cầm 2.159 nghìn con, tăng 4,03% so cùng kỳ năm trước. Ước quý I năm 2025, sản lượng thịt lợn xuất chuồng khoảng 5.679 tấn, tăng 1,79% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm ước 2.318 tấn, tăng 13,97% so cùng kỳ; sản lượng trứng gia cầm ước 34.934



Tổng sản lượng thủy sản quý I/2025 khoảng 49.931 tấn, tăng 8,14% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng nội địa ước đạt 49.442 tấn, tăng 8,13% so cùng kỳ (trong đó cá tra đạt 49.310 tấn, tăng 8,13% so cùng kỳ năm trước); sản lượng thủy sản khai thác nội địa ước đạt 489 tấn, tăng 8,43% so cùng



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Ba ước tăng 9,81% so tháng trước và tăng 4,56% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tăng 4,73%; ngành phân phối điện tăng 3,40%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải tăng 7,19% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2025, IIP ước tăng 6,78% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tăng 7,95%, ngành phân phối điện ước tăng 1,29%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác ước tăng 0,48%.



Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý I/2025 ước đạt 6.061,64 tỷ đồng, giảm 2,47% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn nhà nước đạt 1.641,63 tỷ đồng, tăng 1,32%; nguồn vốn ngoài nhà nước đạt 4.273,04 tỷ đồng, tăng 1,01% và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 146,97 tỷ đồng, giảm 1,51% so với cùng kỳ.



Ước tháng 3 năm 2025, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 168 doanh nghiệp các loại hình, tăng 23,8% so với tháng trước, với tổng vốn đăng ký 821,33 tỷ đồng, tăng 49,66% so với tháng trước. Tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 16 doanh nghiệp, tăng 31,25% so với tháng trước; đăng ký tạm ngưng hoạt động 50 doanh nghiệp, tăng 10% so với tháng trước; đăng ký hoạt động trở lại 28 doanh nghiệp, tăng 28,5% so với tháng trước. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 461 doanh nghiệp các loại hình, tăng 8,45% so với cùng kỳ, đạt 24,26% kế hoạch, với tổng vốn đăng ký 1.890,71 tỷ đồng, giảm 68,22% so với cùng kỳ, đạt 13,03% kế hoạch; tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 42 doanh nghiệp, giảm 19,23% so với cùng kỳ; đăng ký tạm ngừng hoạt động 608 doanh nghiệp, tăng 17,76% so với cùng kỳ và đăng ký hoạt động trở lại 218 doanh nghiệp, tăng 23,85% so với cùng kỳ.



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3/2025 ước đạt 11.770,38 tỷ đồng, tăng 4,45% so với tháng trước và tăng 12,85% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2025 ước đạt 35.267,02 tỷ đồng, tăng 12,99% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 24.508,66 tỷ đồng, tăng 13,16% so với cùng kỳ; doanh thu lưu trú, ăn uống ước đạt 4.638,02 tỷ đồng, tăng 11,47% so với cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 141,92 tỷ đồng, tăng 28,22% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ước đạt 5.978,43 tỷ đồng, tăng



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): Tháng 3 năm 2025, tăng 0,06% so với tháng trước; tăng 4,19% so với tháng cùng kỳ năm trước, tăng 2,19% so với tháng 12 năm trước; bình quân quý I/2025, CPI tăng 4,40% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá vàng: Tăng 4,68% so với tháng trước, tăng 38,95% so với cùng kỳ năm trước, tăng 10,70% so với tháng 12 năm trước; Chỉ số giá vàng quý I/2025 tăng 5,65% so với quý trước và tăng 37,84% so với quý cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ: Tăng 0,93% so với tháng trước, tăng 3,49% so với cùng kỳ năm trước, tăng 0,87% so với tháng 12 năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ quý I/2025 tăng 1,03% so với quý trước, tăng 3,67% so với quý cùng kỳ năm trước.



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



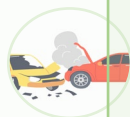
Thu ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện đến ngày 25/3/2025 đạt 5.203,30 tỷ đồng, bằng 23,63% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 36,90% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 4.091,11 tỷ đồng, bằng 33,86% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 43,97% so với cùng kỳ. Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 78,23 tỷ đồng, bằng 27,94% so với dự



Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 25/3/2025 đạt 7.710,64 tỷ đồng, bằng 37,07% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 28,57% so với cùng kỳ. Trong đó, chi cho đầu tư phát triển đạt 4.248,45 tỷ đồng, đạt 72,83% dự toán, giảm 5,73% so với cùng kỳ; chi thường xuyên đạt 2.916 tỷ đồng, bằng 35,62% dự toán, tăng 95,87% so với cùng kỳ.



Tính từ ngày 16/02/2025 đến ngày 15/3/2025, thành phố Cần Thơ ghi nhận 37 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 15 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; lũy tích từ đầu năm đến thời điểm báo cáo ghi nhận 133 trường hợp mắc, giảm 38 trường hợp mắc so với cùng kỳ năm 2024; tay chân miệng ghi nhận 32 trường hợp mắc, giảm 21 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; lũy tích từ đầu năm đến thời điểm báo cáo ghi nhận 114 trường hợp mắc, giảm 96 trường hợp mắc so với cùng kỳ năm 2024; sởi và sốt phát ban nghi sởi, trong tháng ghi nhận 144 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, không ghi nhận trường hợp tử vong; lũy tích từ đầu năm đến thời điểm báo cáo ghi nhận 465 trường hợp, so với cùng kỳ năm 2024 tăng 463 trường hợp; tiêu chảy 866 trường hợp, tăng 11% so với tháng trước; lũy tích đến thời điểm báo



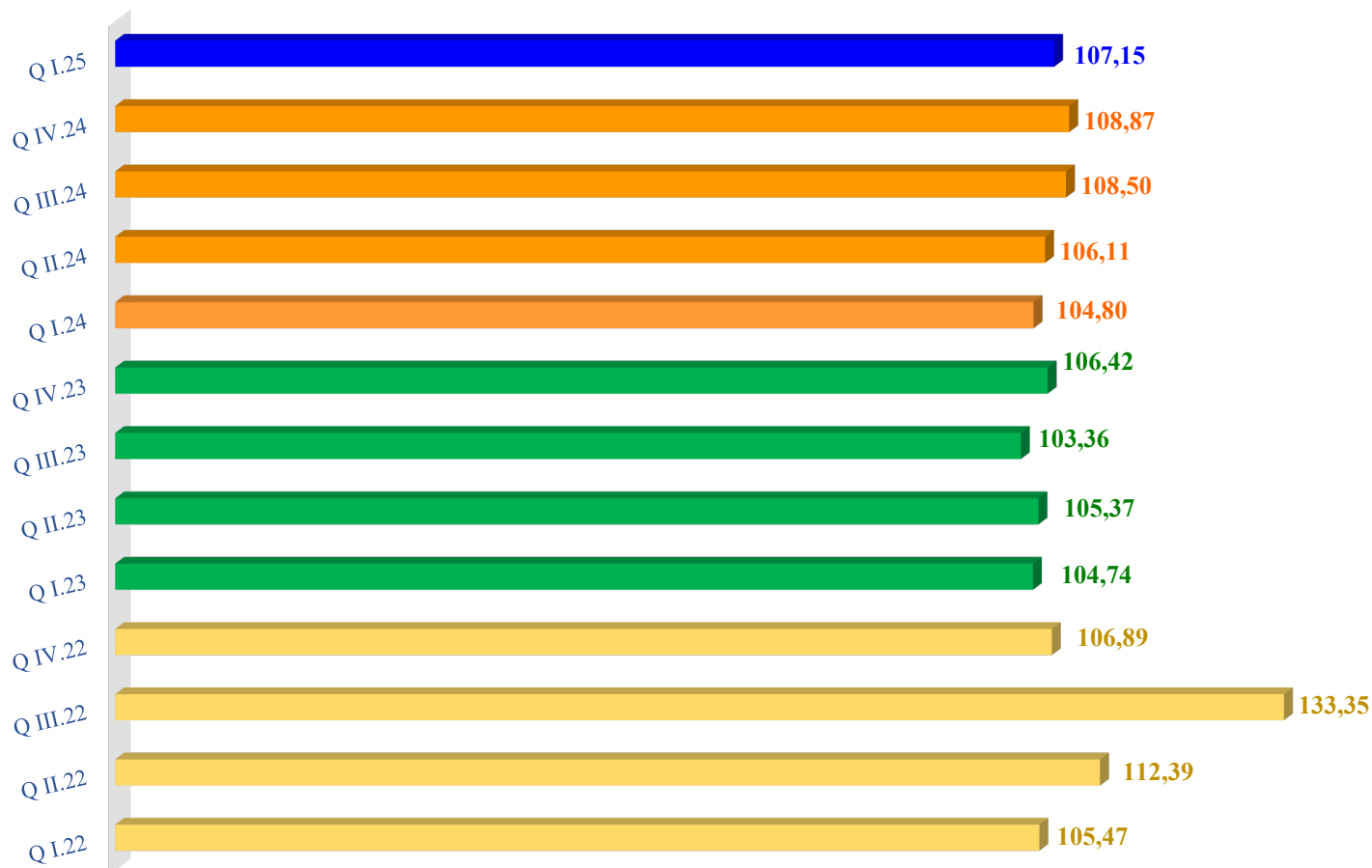
Từ ngày 15/02/2025 đến ngày 14/3/2025, đã xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông đường bộ, chết 11 người, 08 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2024, số vụ tăng 02 vụ, số người chết tăng 04 người, số người bị thương tương đương. Lũy kế Ba tháng thành phố đã xảy ra 59 vụ tai nạn giao thông, giảm 38,54% so với cùng kỳ, bao gồm: 58 vụ đường bộ, giảm 38,95%; 01 vụ đường thủy, tương đương cùng kỳ); làm chết 45 người, tăng 18,42% so với cùng kỳ, trong đó làm chết 44 người đường bộ, tăng 15,79%; và 27 người bị thương, giảm 68,60%, trong đó 27 người bị thương đường bộ giảm 68,24%.

Tình hình cháy, nổ tháng 3/2025 trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ cháy, nổ. Lũy kế 03 tháng, không xảy ra vụ cháy, nổ; giảm 05 vụ so với cùng kỳ.

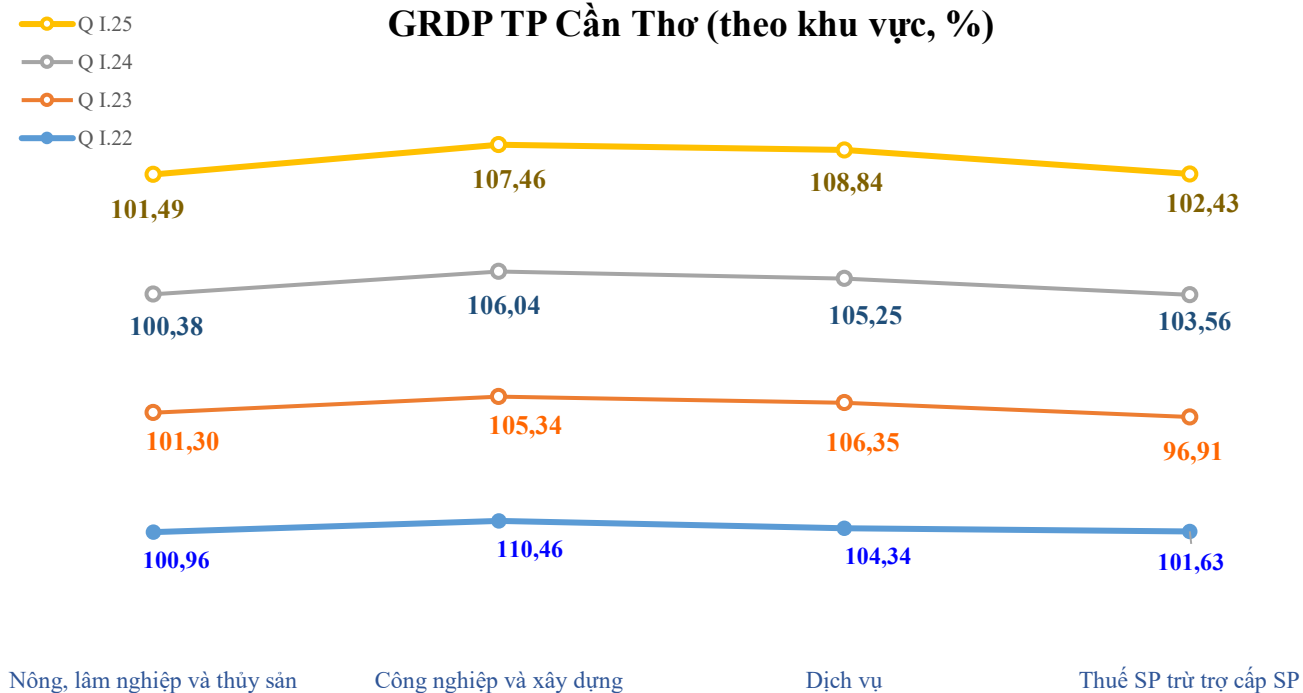


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

GRDP TP Cần Thơ (theo quý, %)



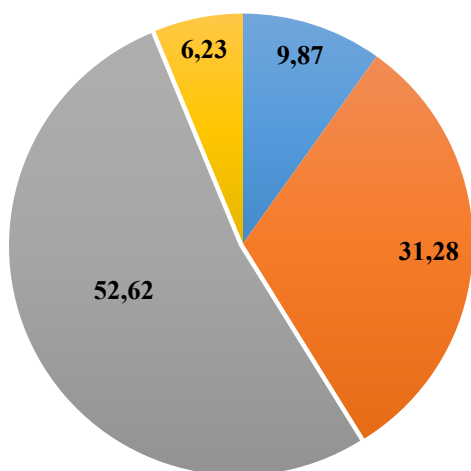
GRDP TP Cần Thơ (theo khu vực, %)





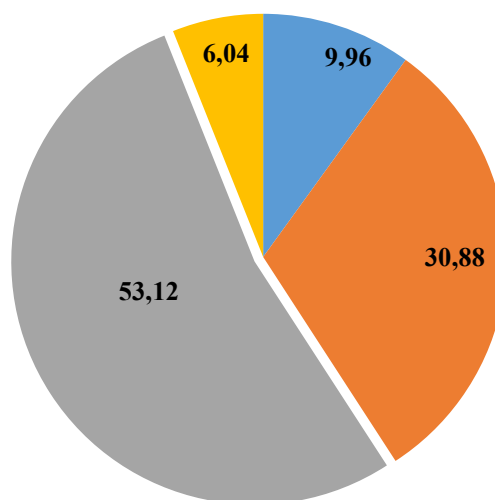
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

Cơ cấu GRDP năm 2023
(theo giá HH,%)



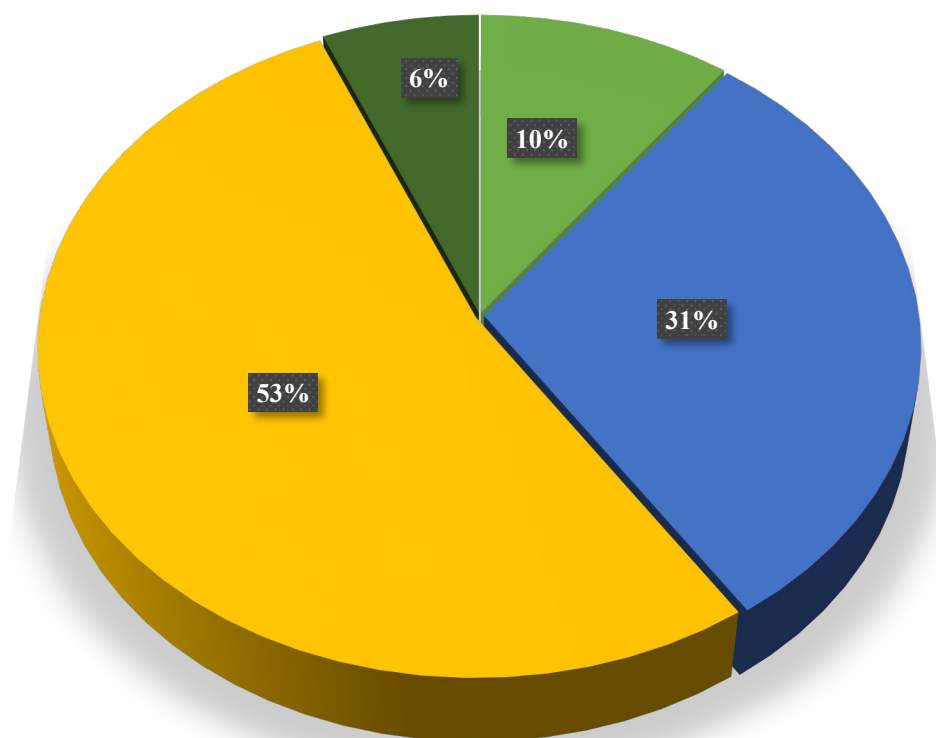
■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

Cơ cấu GRDP năm 2024
(theo giá HH,%)



■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

Cơ cấu GRDP quý I năm 2025 (theo giá HH,%)

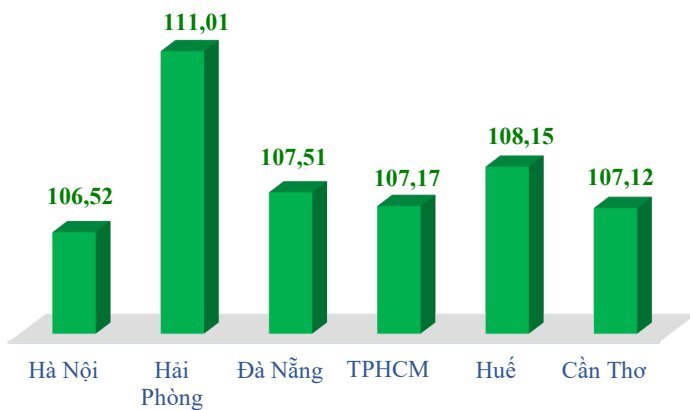


■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản
■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ
■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

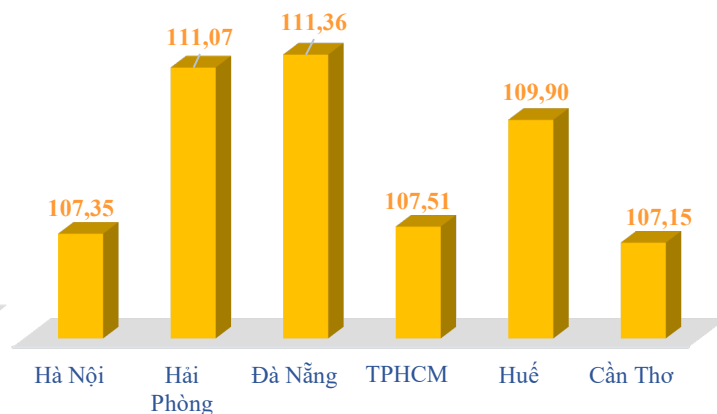


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

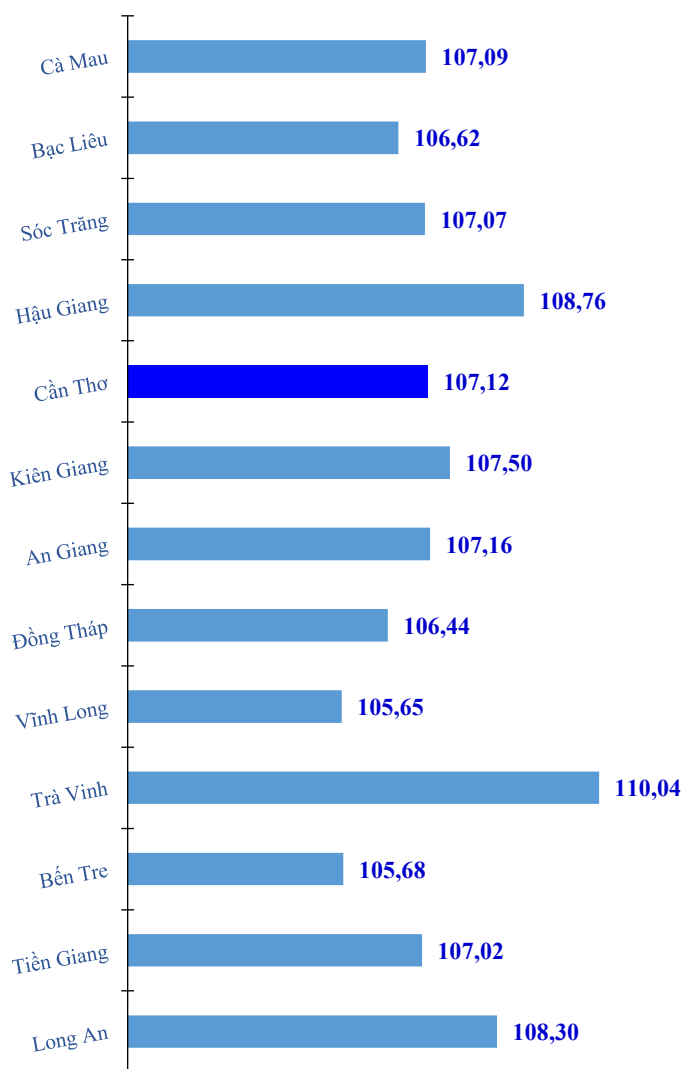
GRDP của 6 TP trực thuộc TW năm 2024
(theo năm, %)



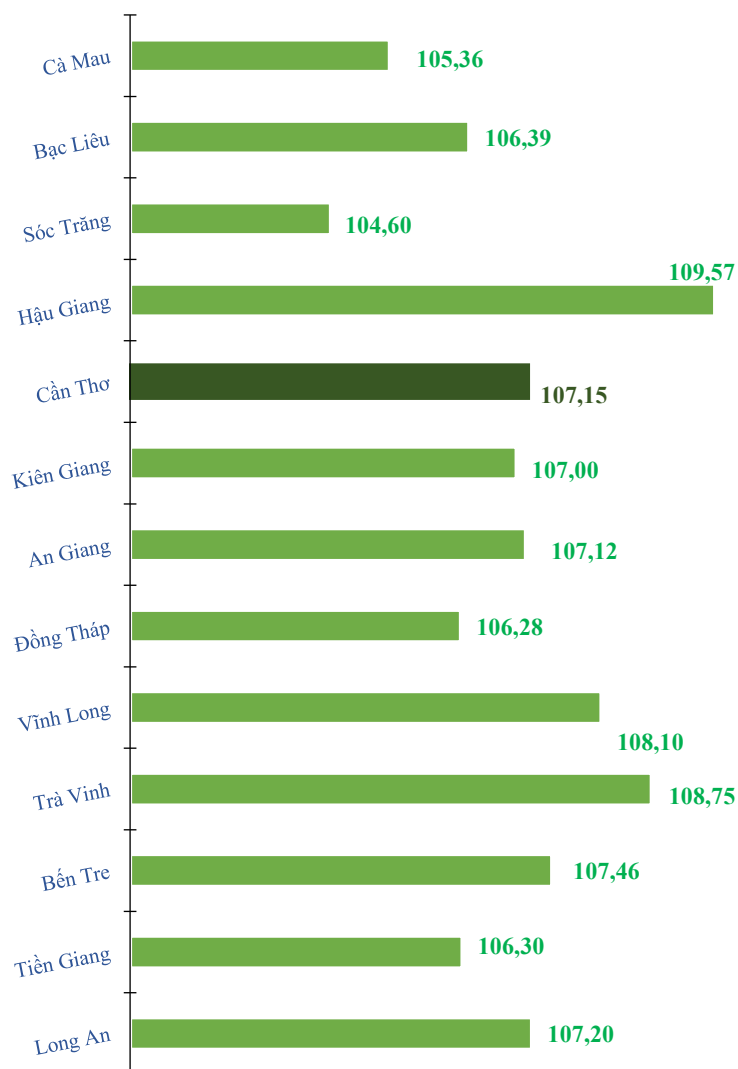
GRDP của 6 TP trực thuộc TW quý 1 năm 2025
(theo quý, %)



GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2024 (theo năm, %)



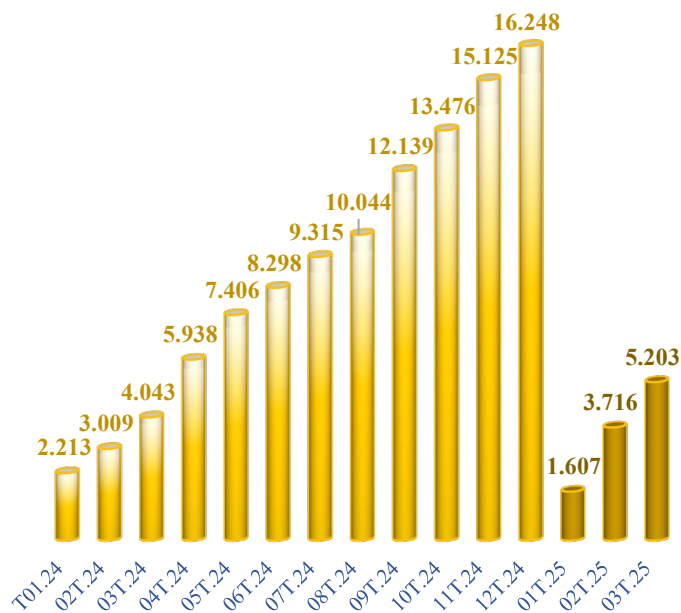
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL quý 1 năm 2025 (theo quý, %)



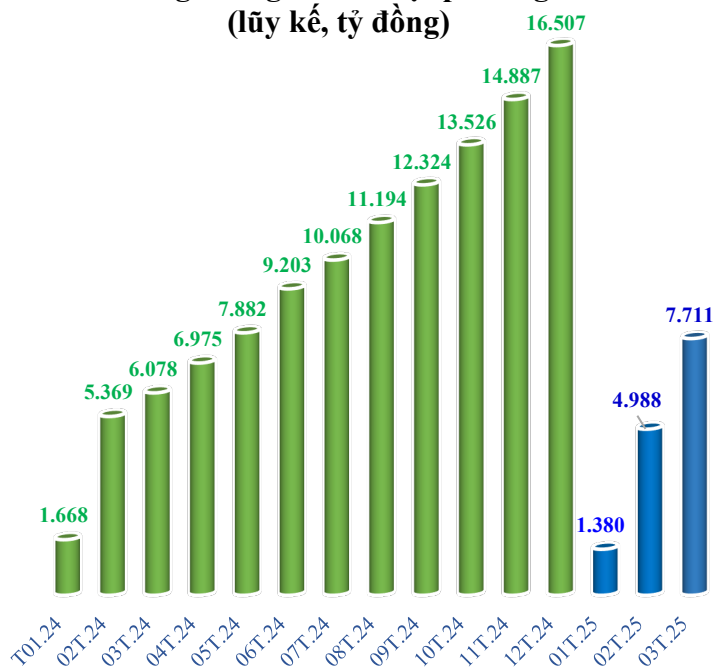


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2025

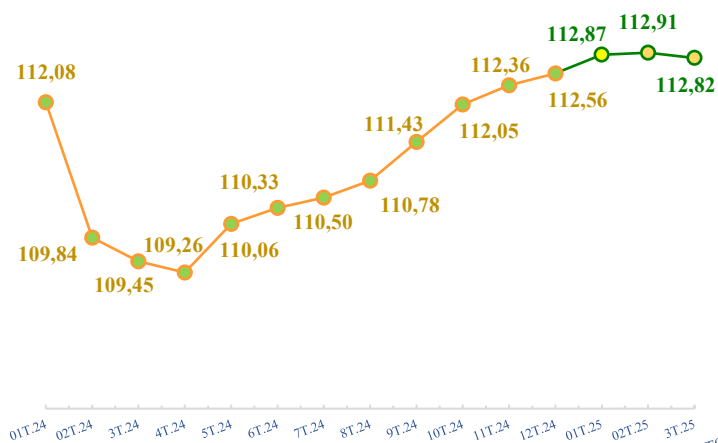
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



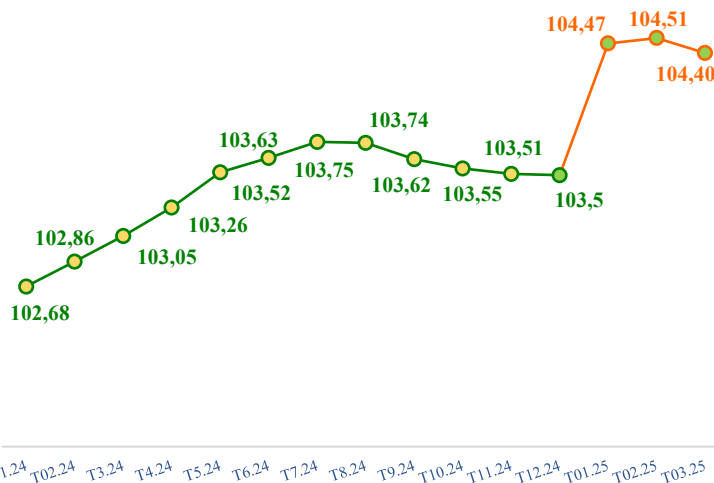
**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



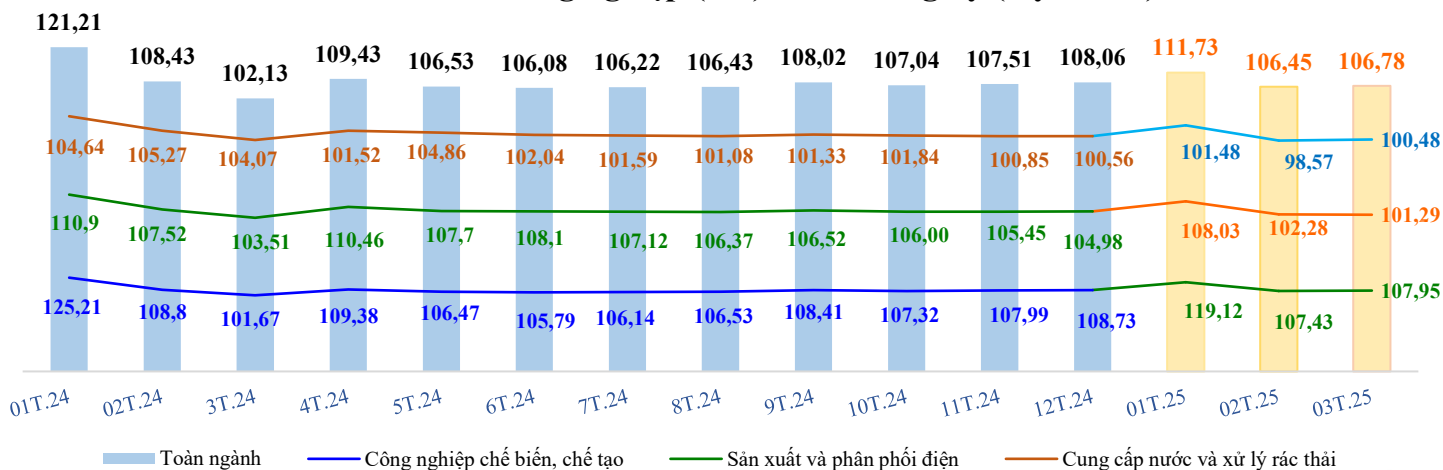
**Tốc độ tăng/giảm Tổng mức bán lẻ và doanh
thu dịch vụ tiêu dùng so cùng kỳ (lũy kế, %)**



**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ
(lũy kế, %)**

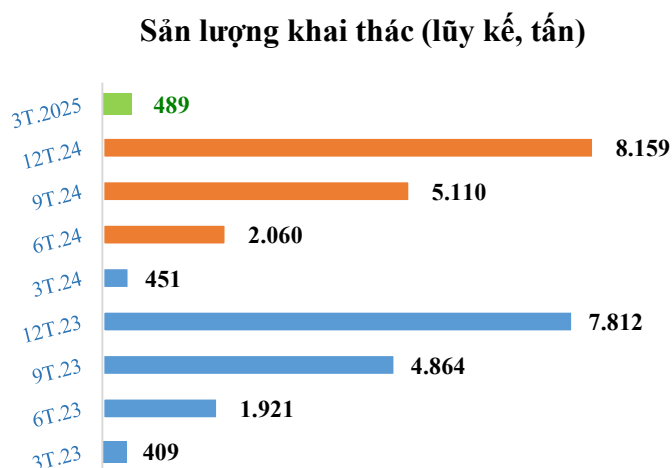
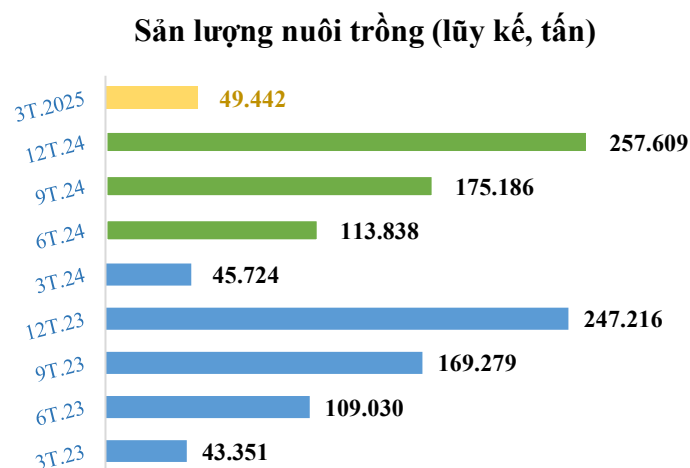
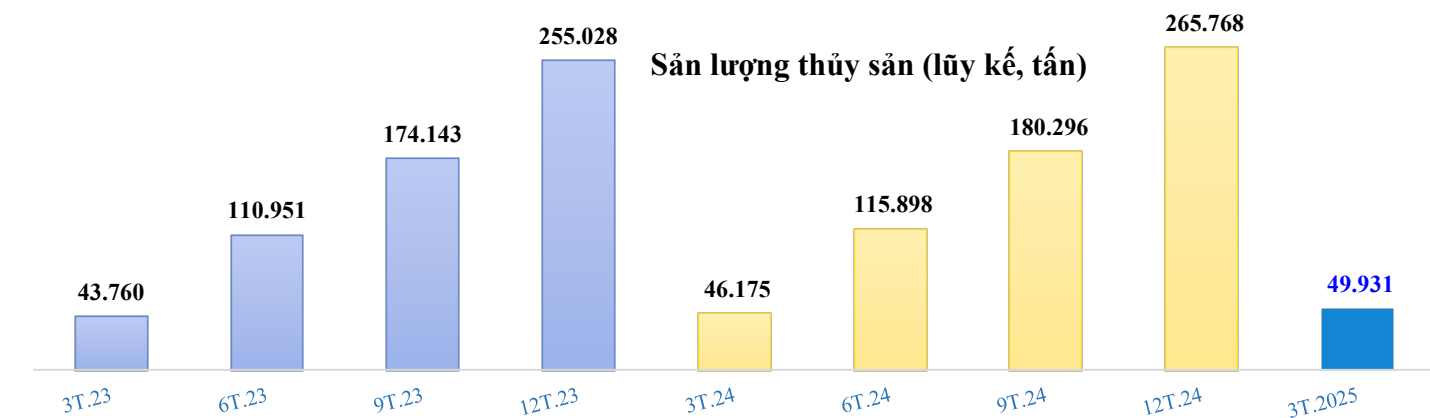
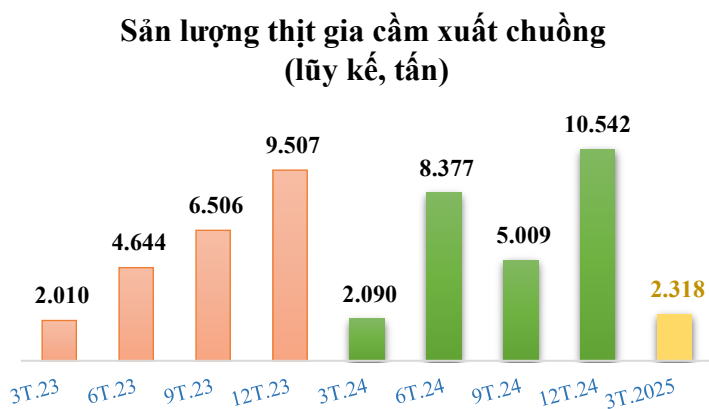
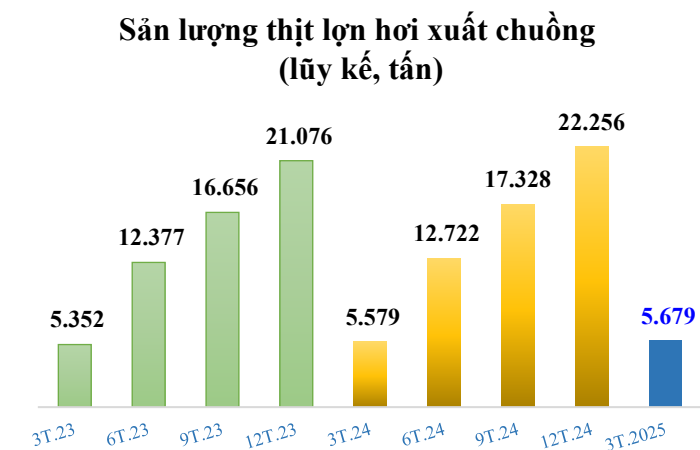
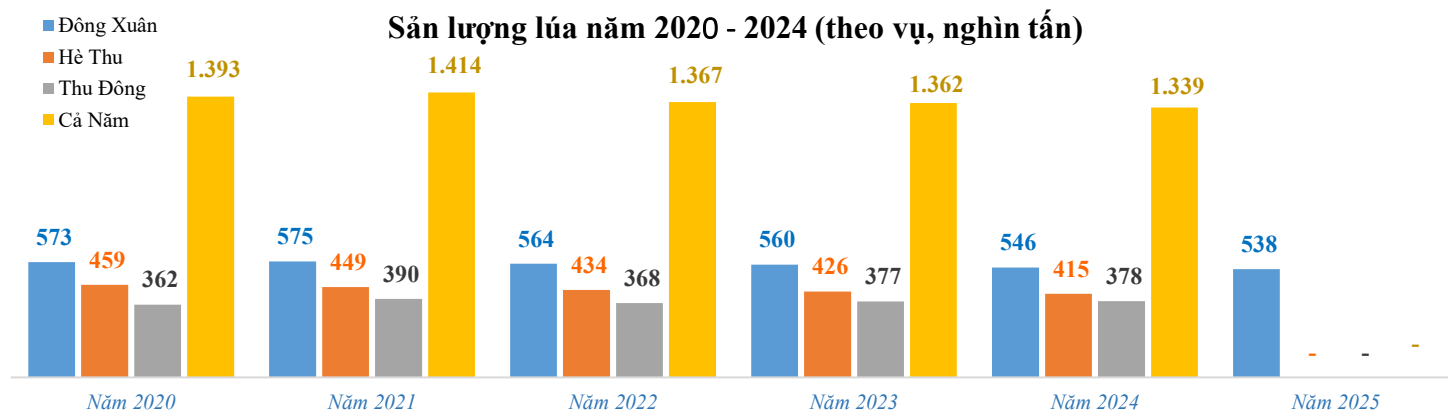


Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)





NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

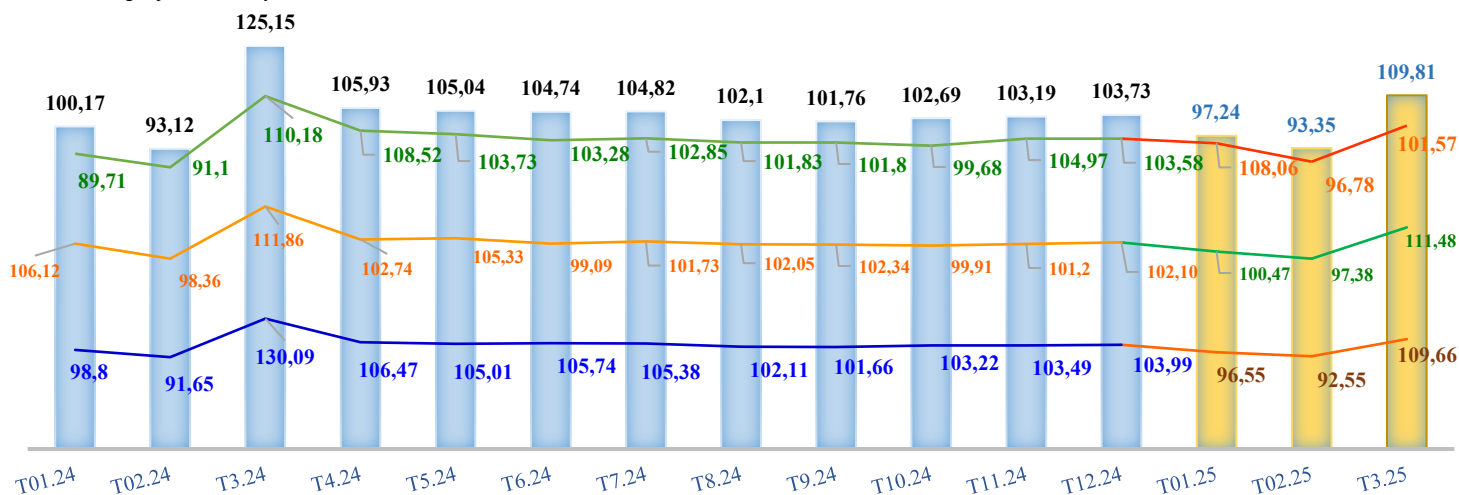




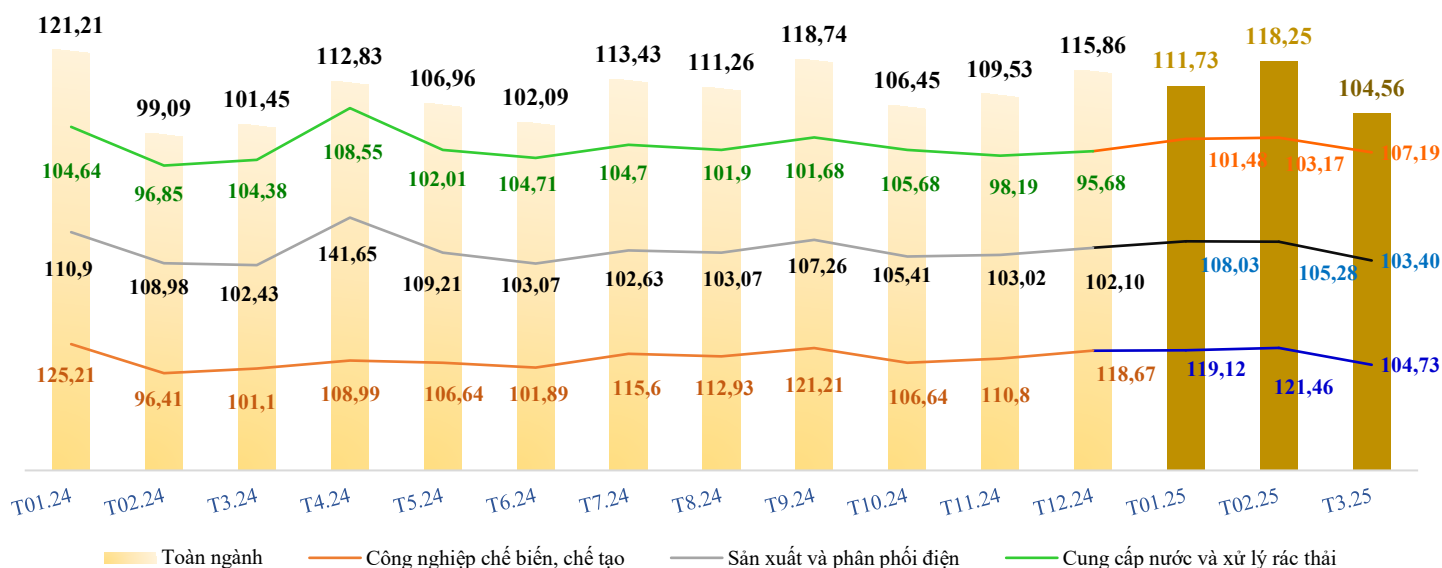
CÔNG NGHIỆP

- Toàn ngành
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện
- Cung cấp nước và xử lý rác thải

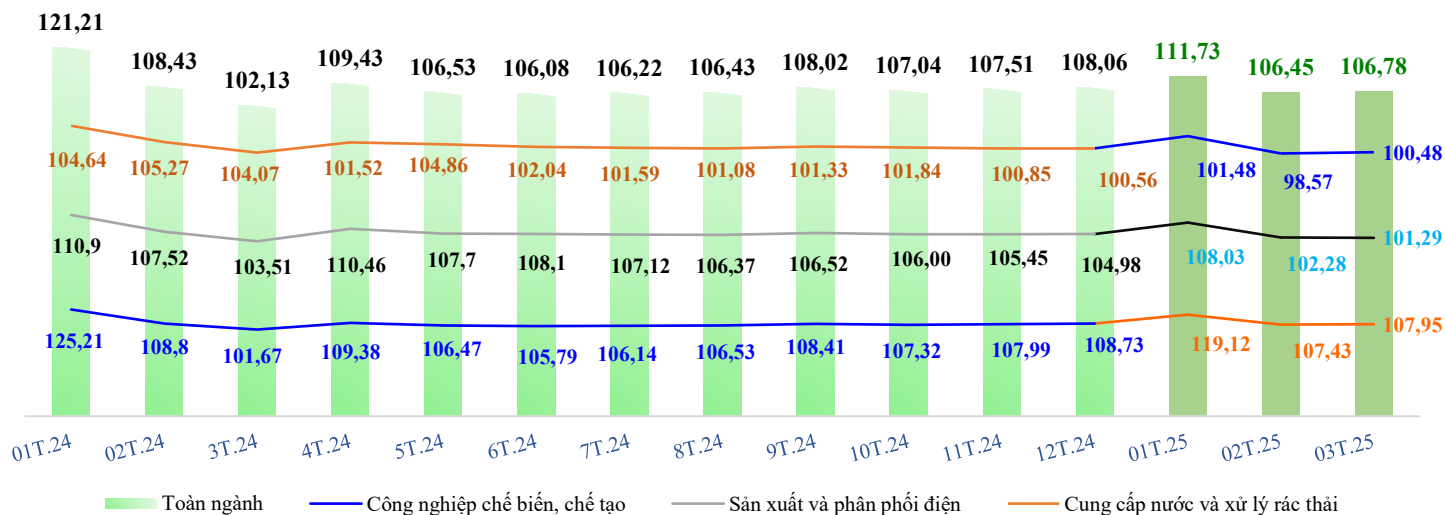
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



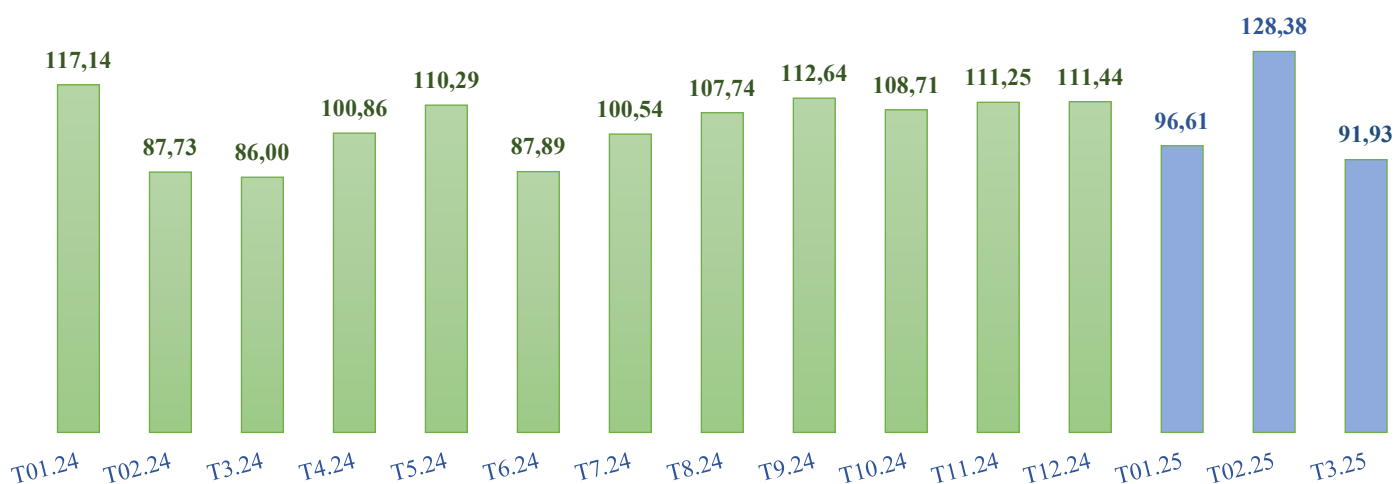
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



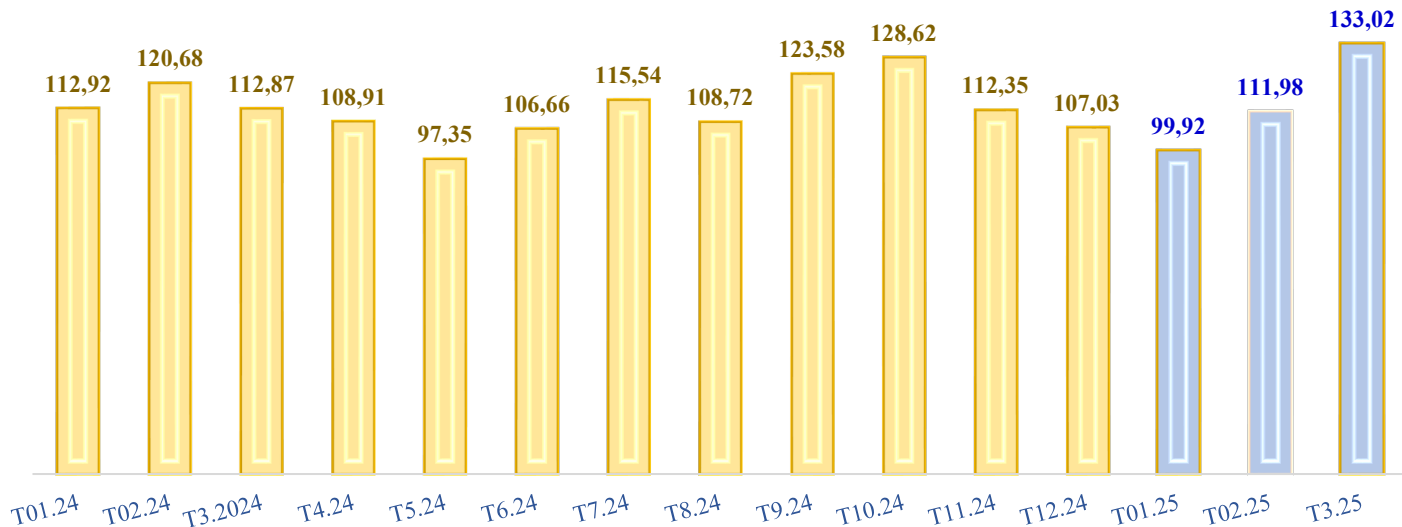


CÔNG NGHIỆP (tiếp)

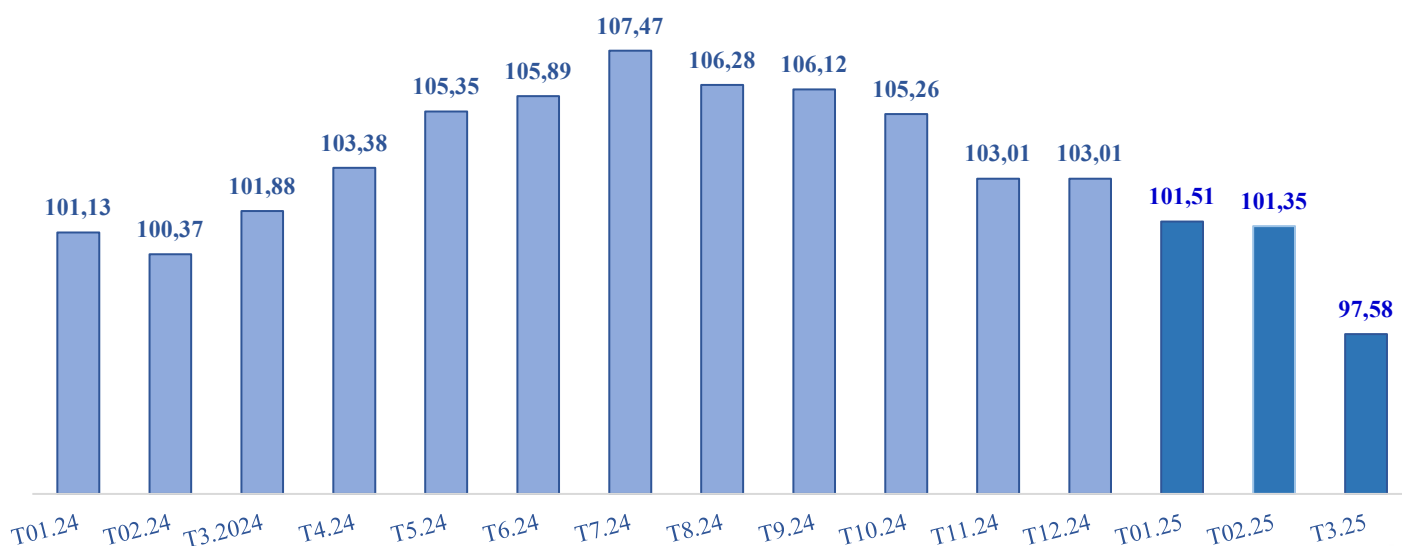
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (tháng, %)



Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (tháng, %)



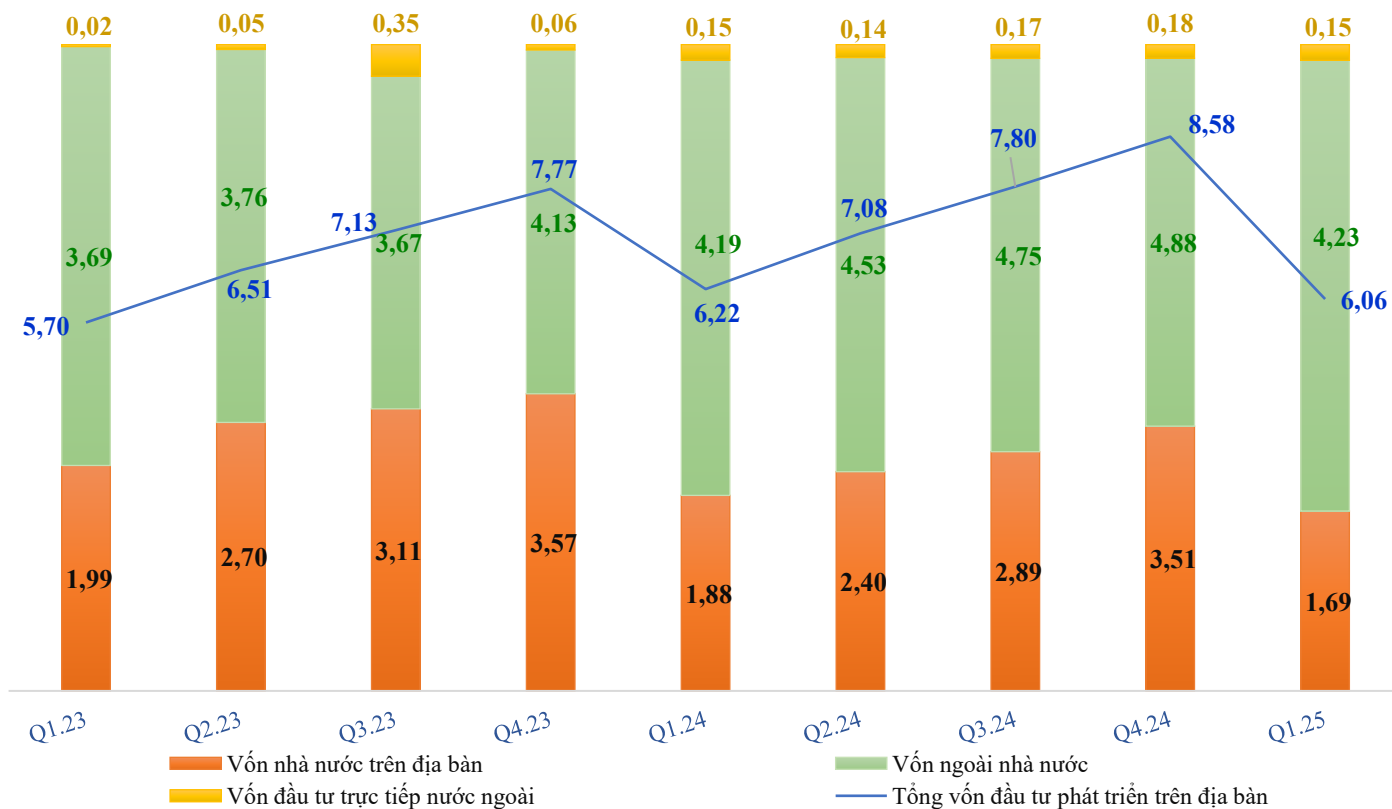
Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)



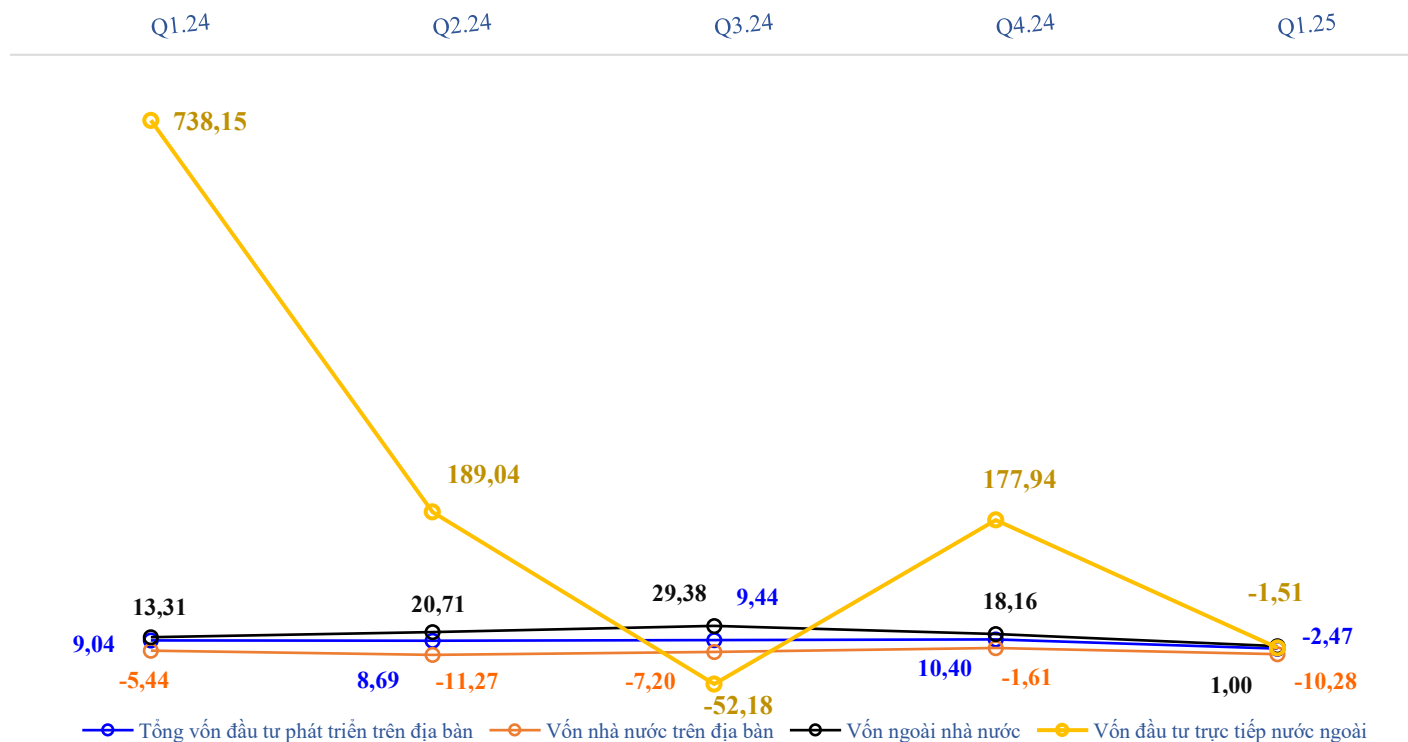


VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI

**Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành
(theo quý, nghìn tỷ đồng)**



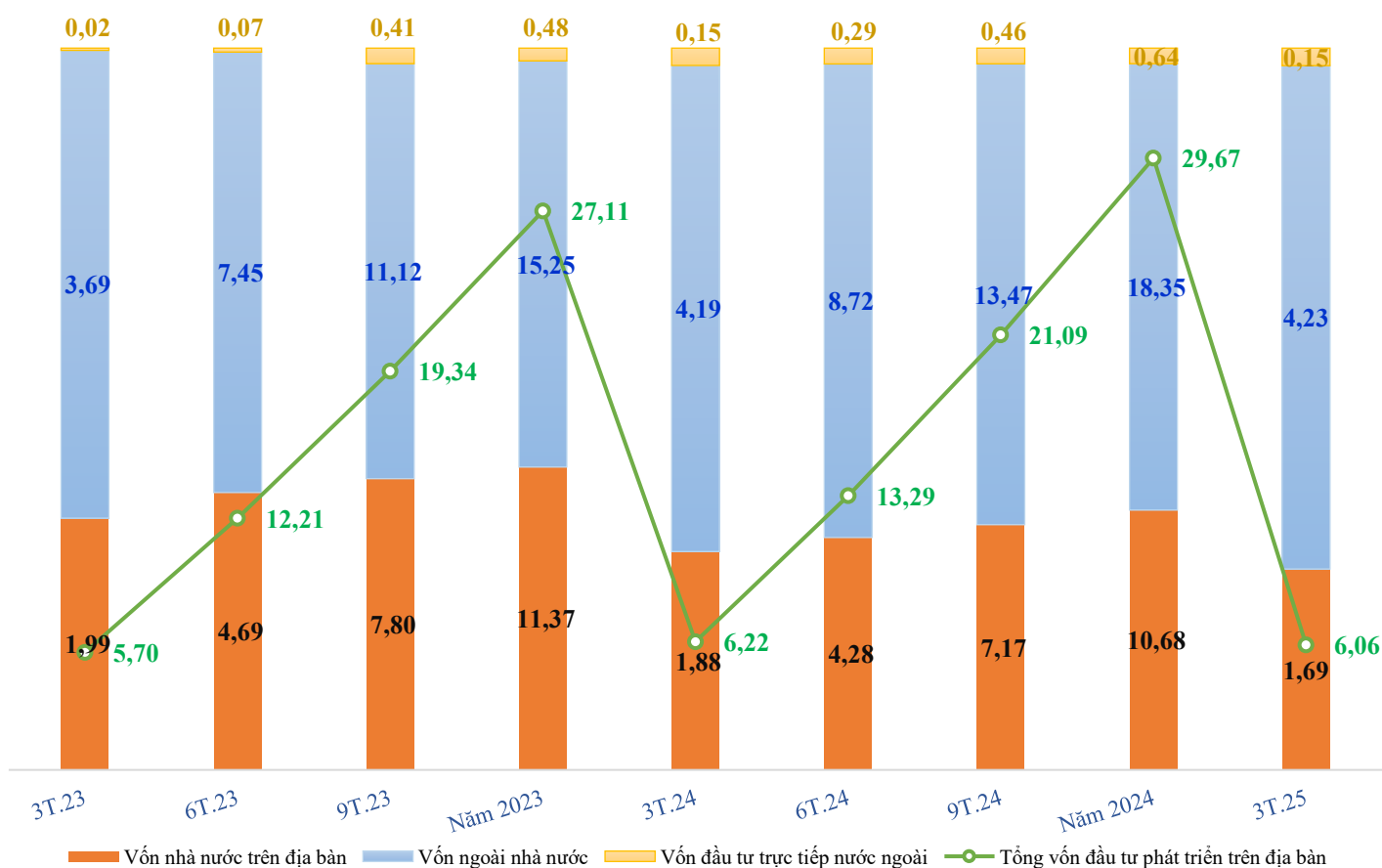
**Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với
cùng kỳ (theo quý, %)**



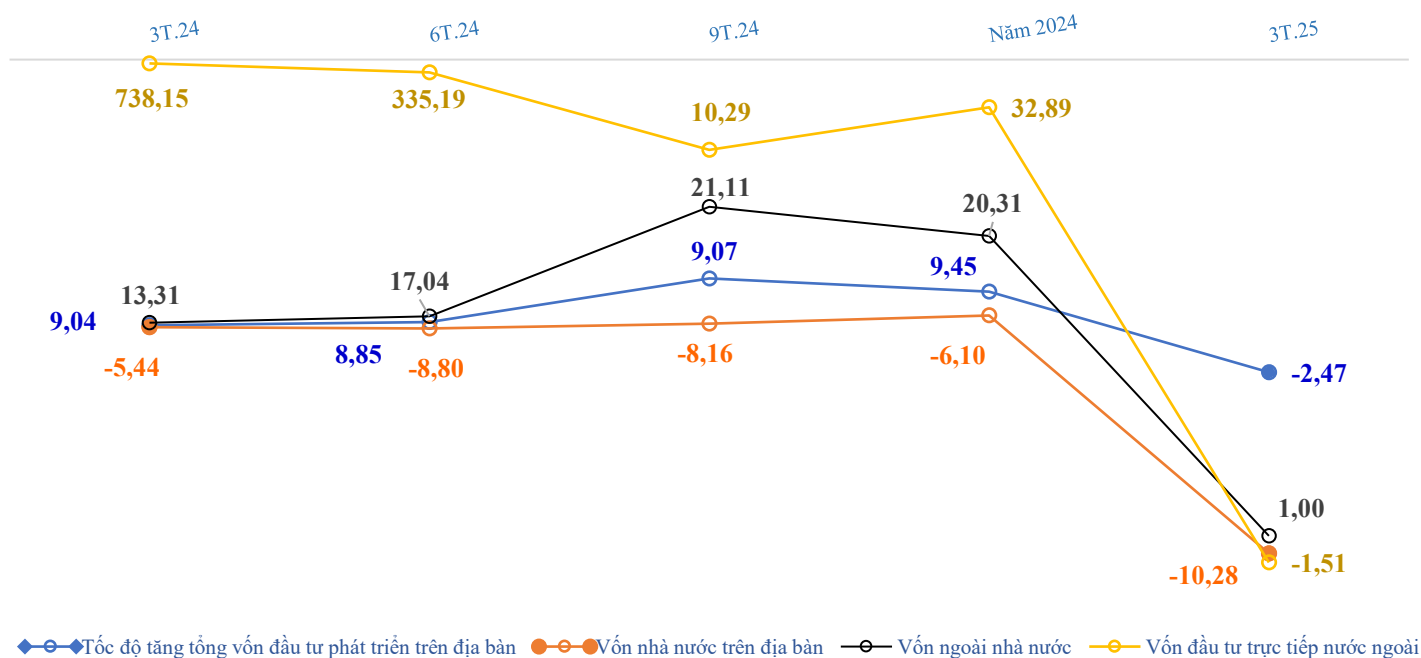


VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (tiếp)

**Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



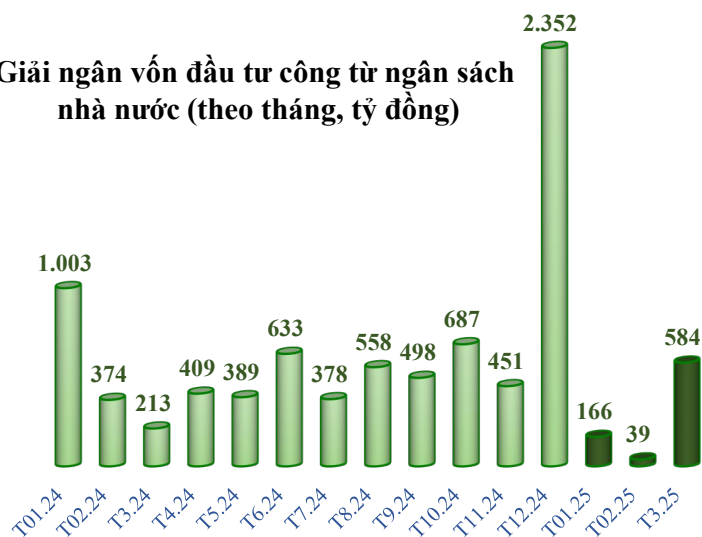
**Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với cùng kỳ
(lũy kế, %)**



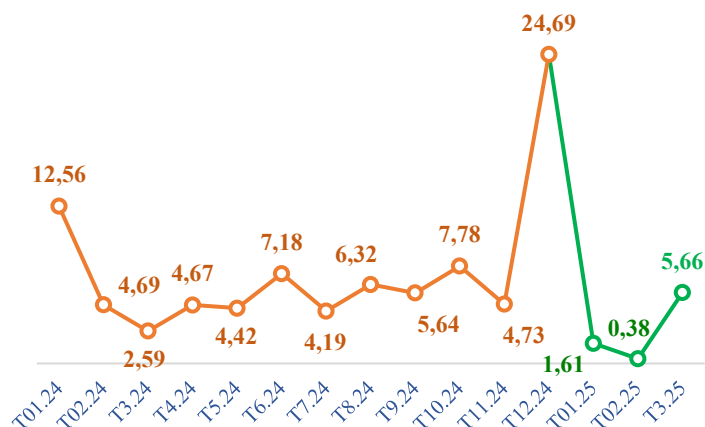


GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG(*)

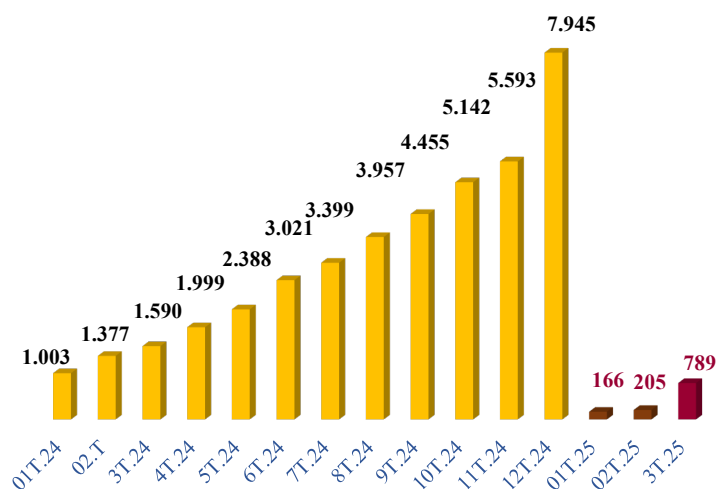
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



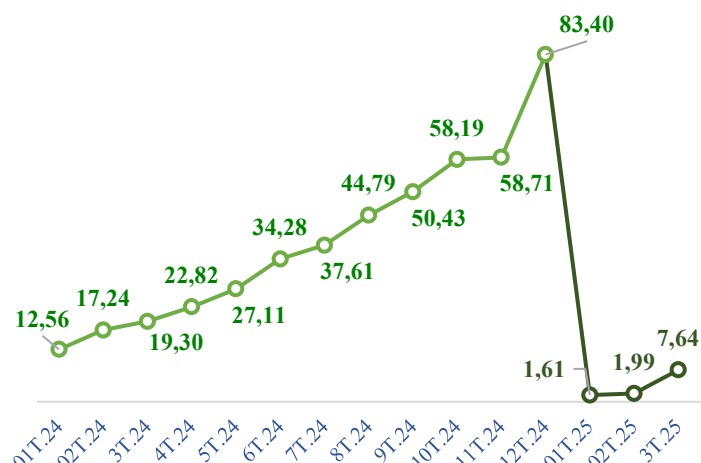
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (theo tháng, %)



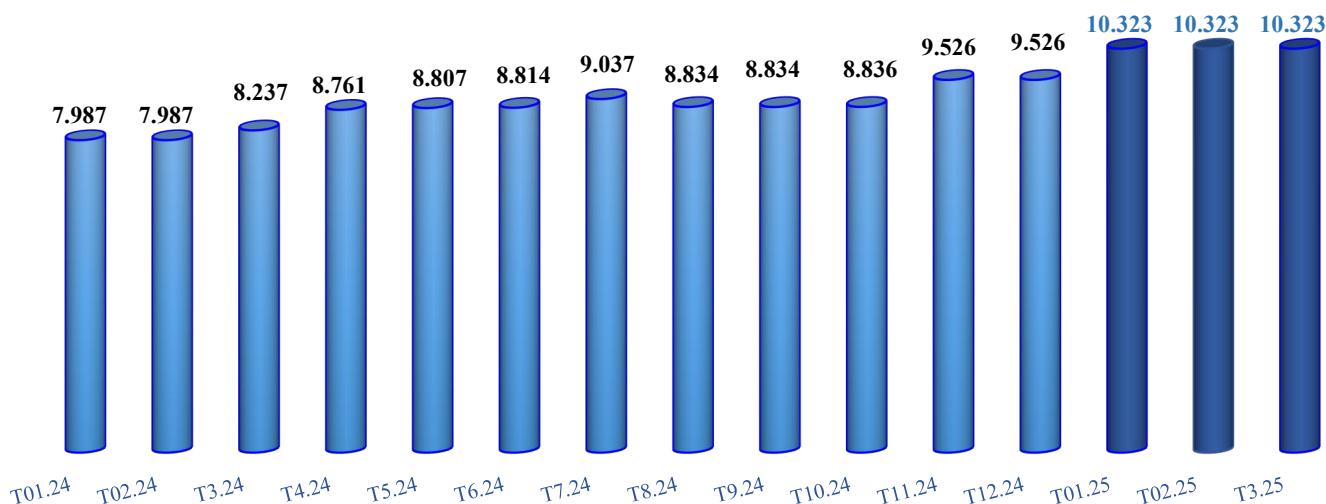
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch năm 2024 và tháng 3 năm 2025 (tỷ đồng)

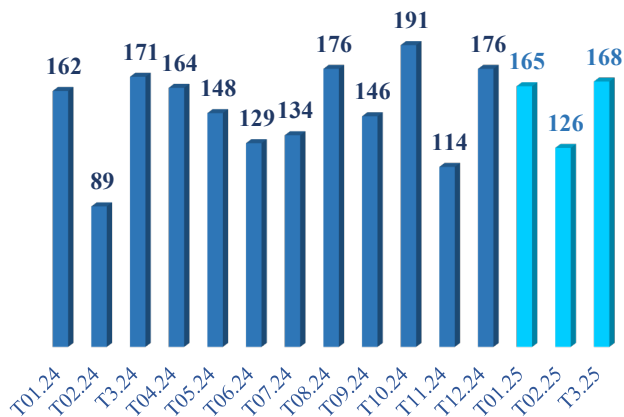


Nguồn: Kho bạc thành phố Cần Thơ

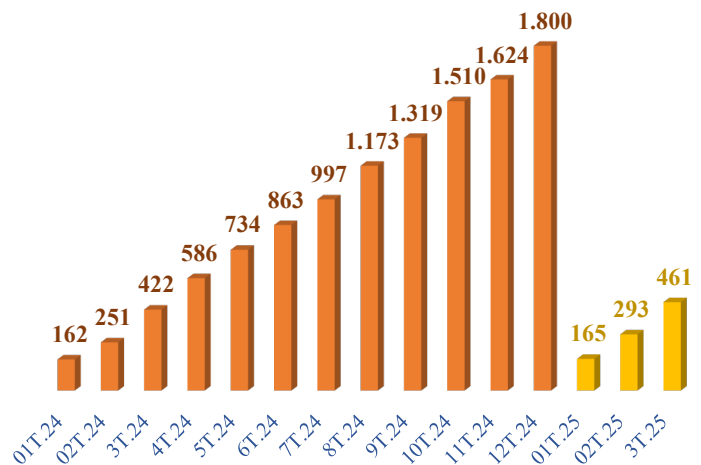
(*) Điều chỉnh số chính thức từ tháng 1/2024 - 12/2024. Riêng tháng 3 số liệu đến ngày 25/3/2025

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

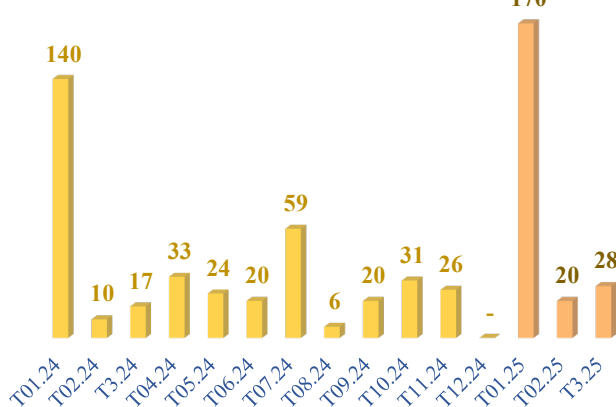
**Số doanh nghiệp thành lập mới
(theo tháng, DN)**



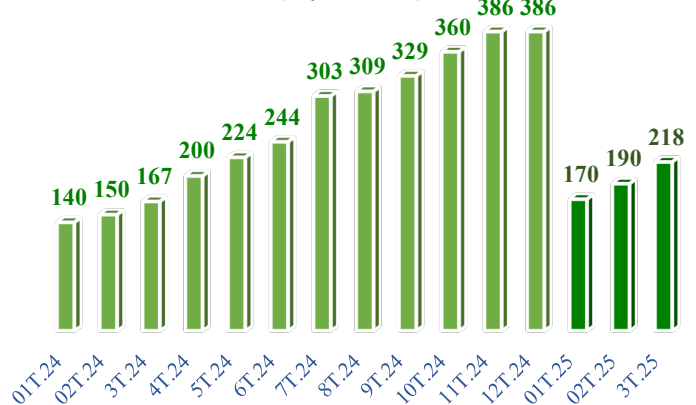
Số doanh nghiệp thành lập mới (lũy kế, DN)



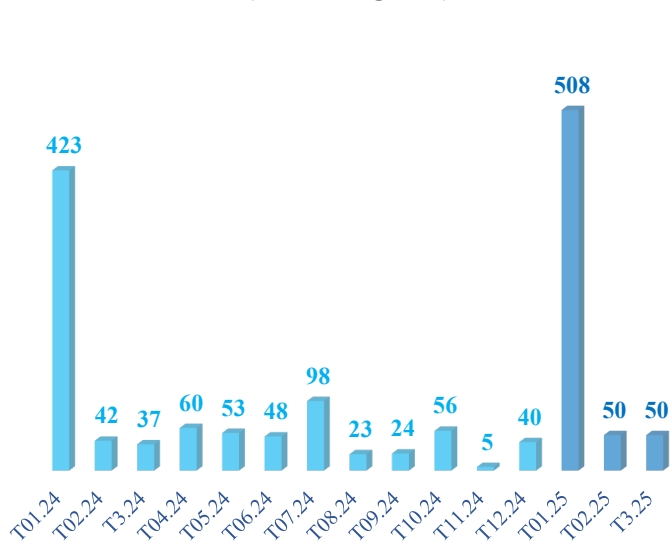
**Số DN quay trở lại hoạt động
(theo tháng, DN)**



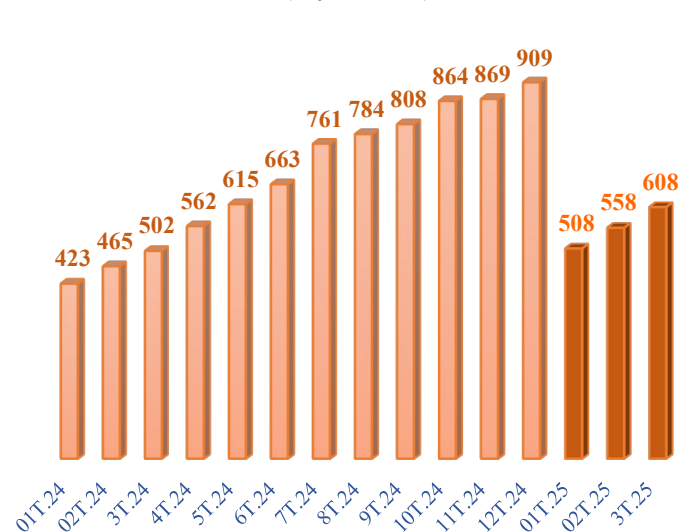
**Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
(lũy kế, DN)**



**Số DN tạm ngưng có thời hạn
(theo tháng, DN)**



**Số doanh nghiệp tạm ngưng có thời hạn
(lũy kế, DN)**

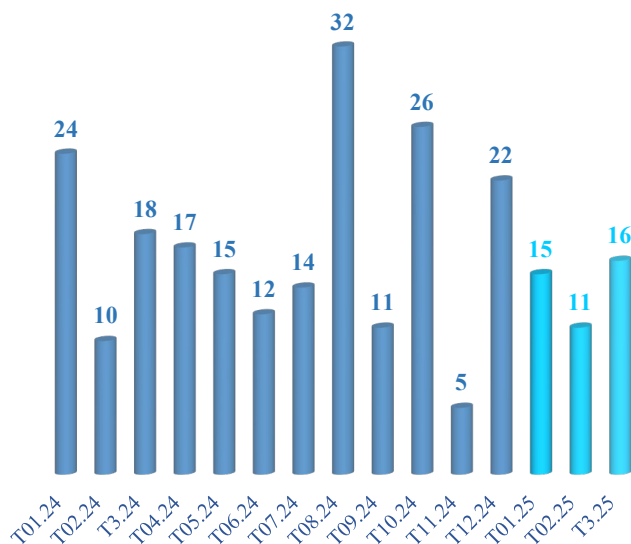


(*) Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

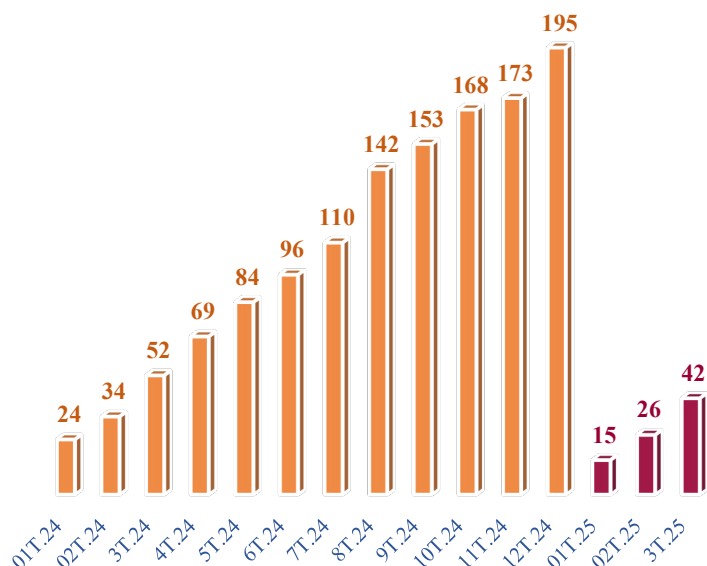


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

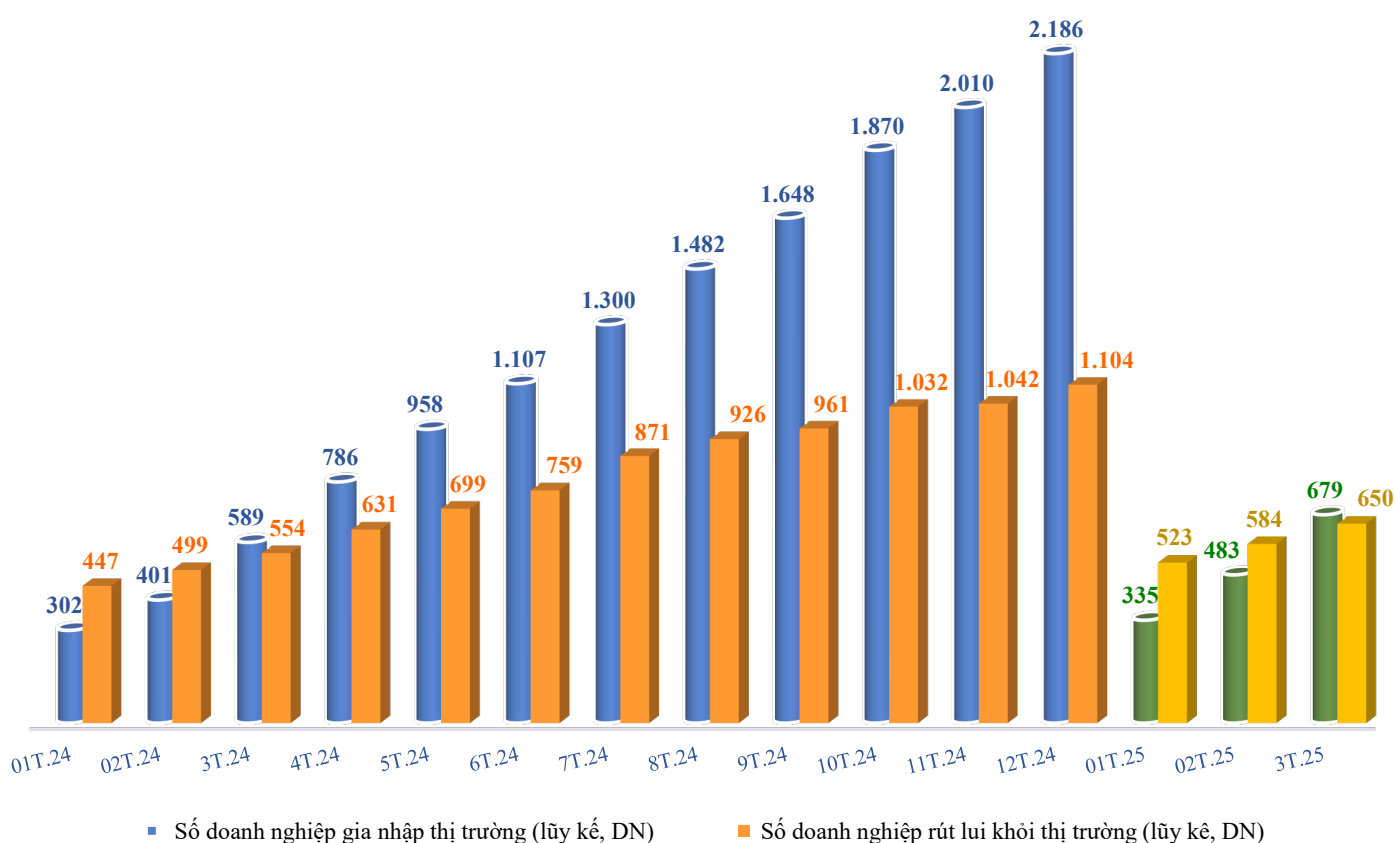
Số doanh nghiệp giải thể (theo tháng, DN)



Số doanh nghiệp giải thể (lũy kế, DN)



Số DN gia nhập và số DN rút lui khỏi thị trường (lũy kế, DN)

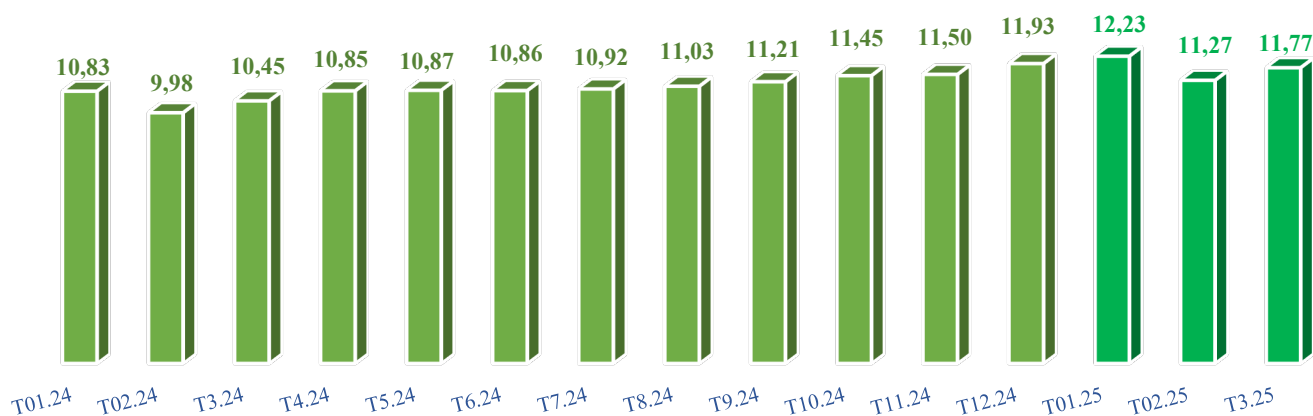


(*) Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

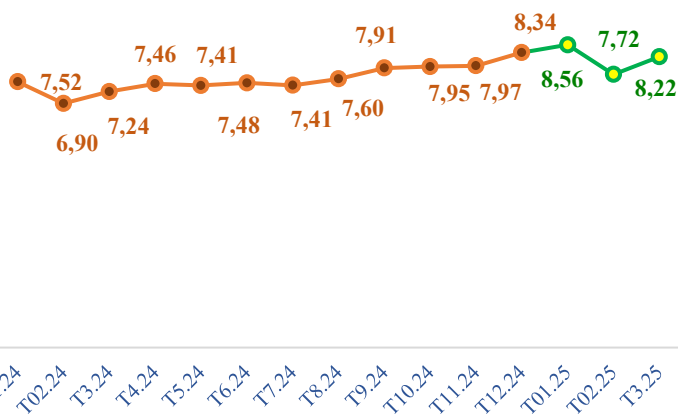


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

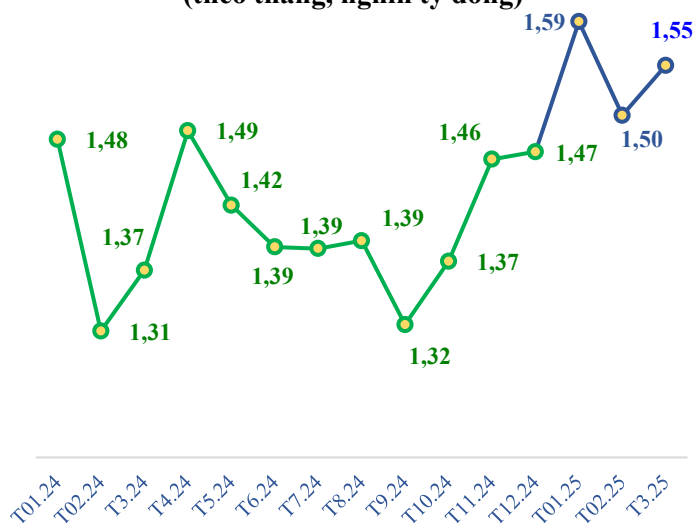
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



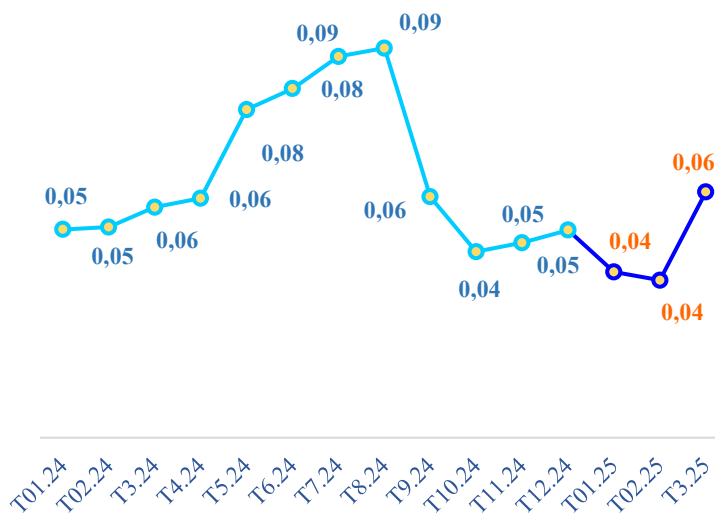
Bán lẻ hàng hóa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



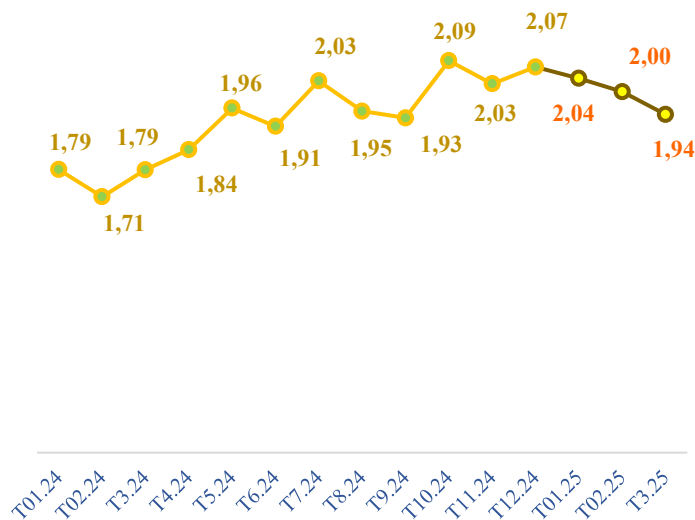
Dịch vụ lưu trú, ăn uống
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ khác (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



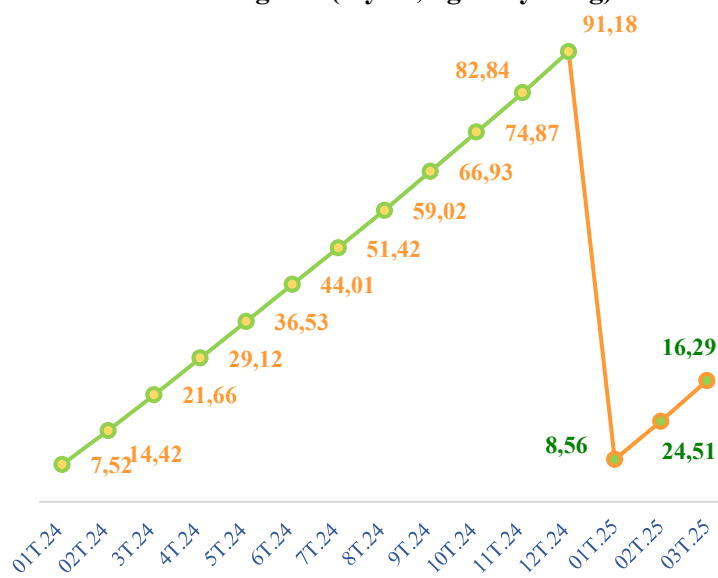


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

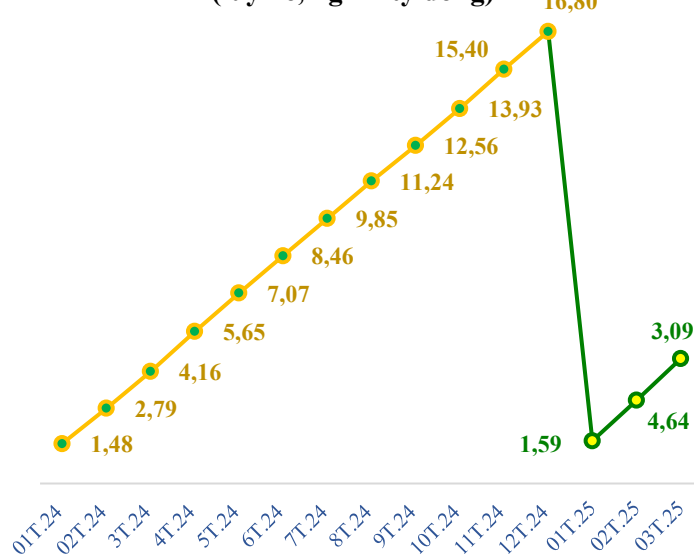
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



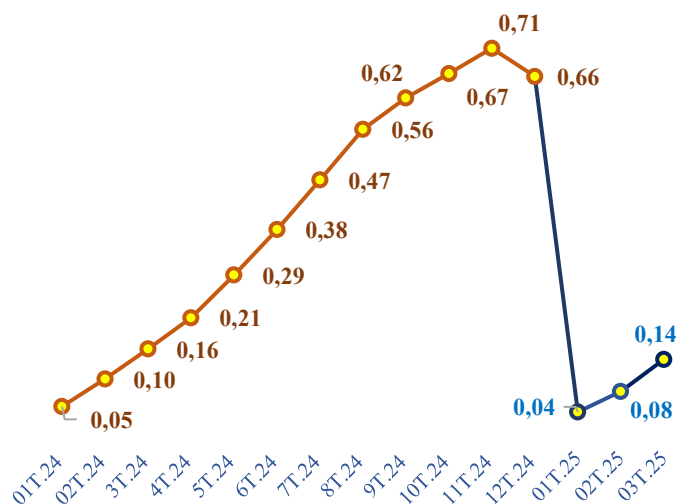
Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



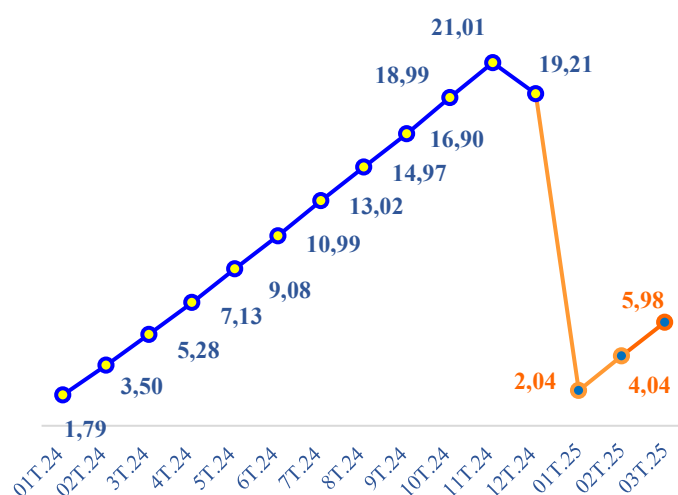
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



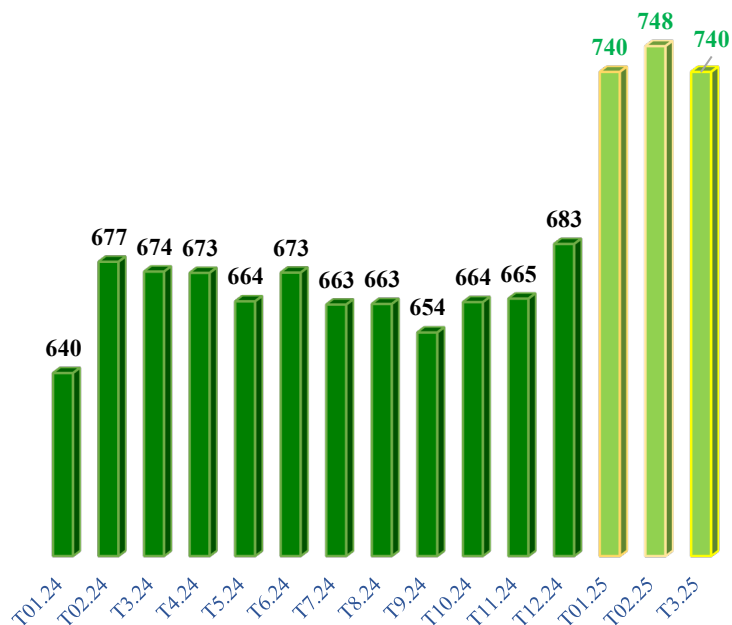
Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



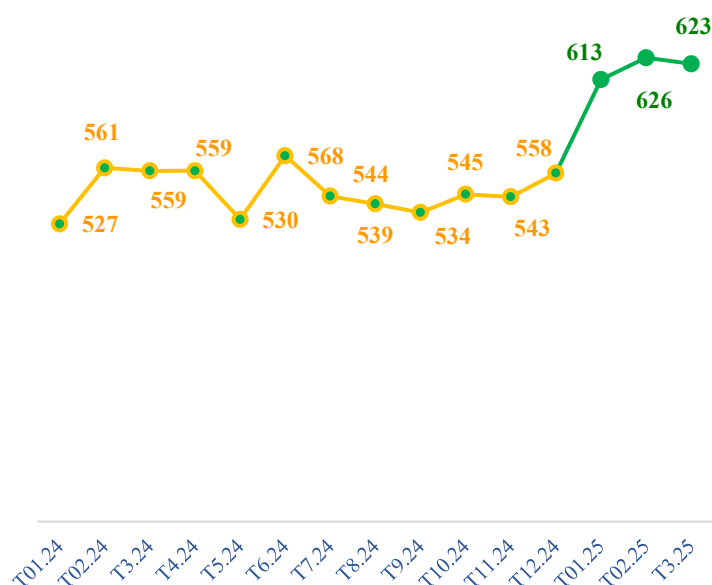


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

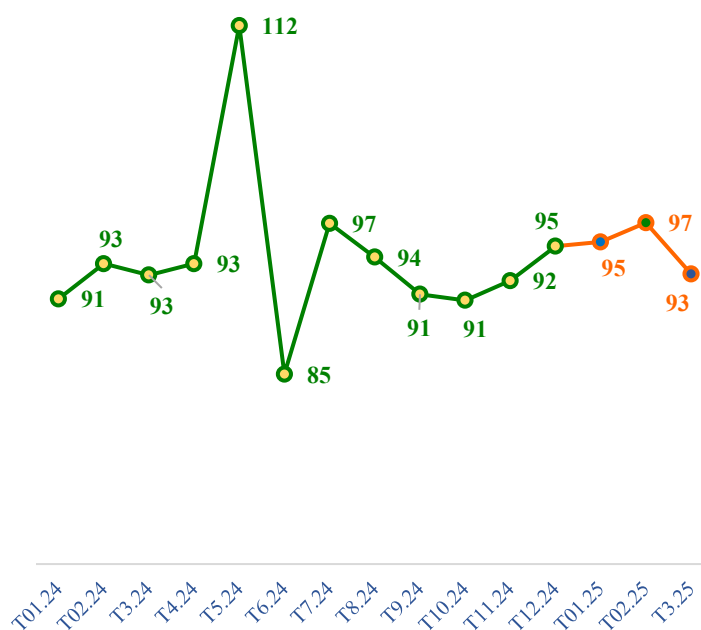
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải
(theo tháng, tỷ đồng)



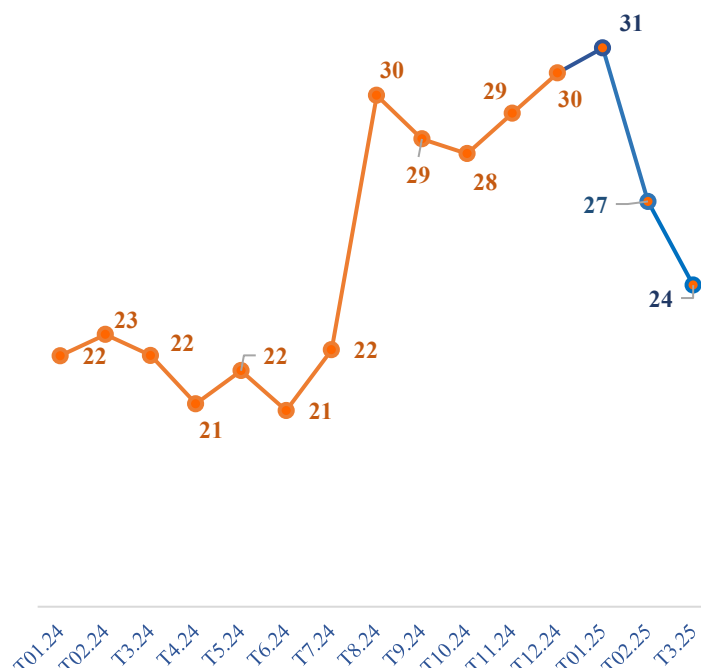
Doanh thu vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(theo tháng, tỷ đồng)



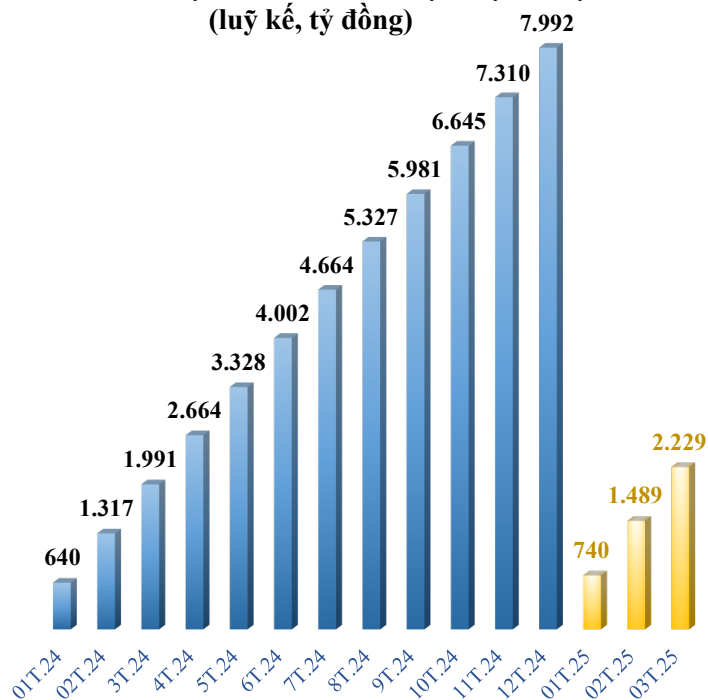
Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(theo tháng, tỷ đồng)



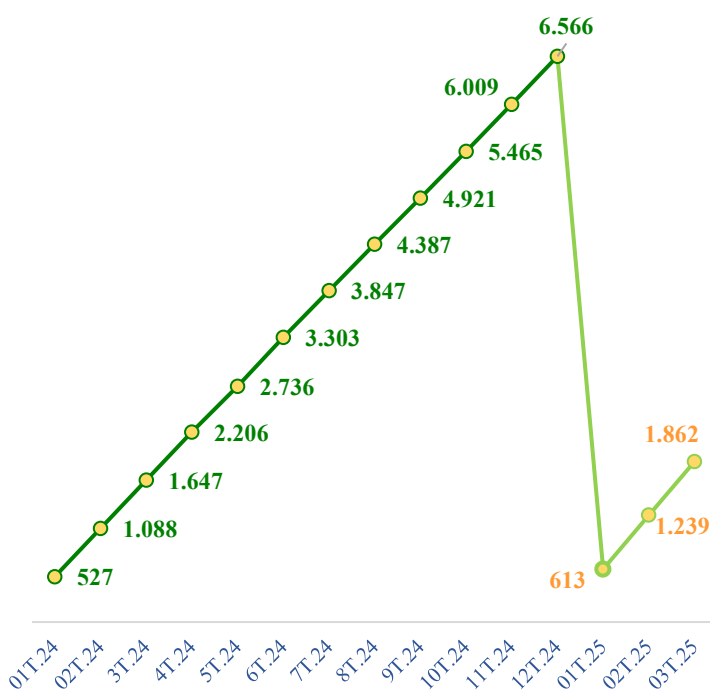


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

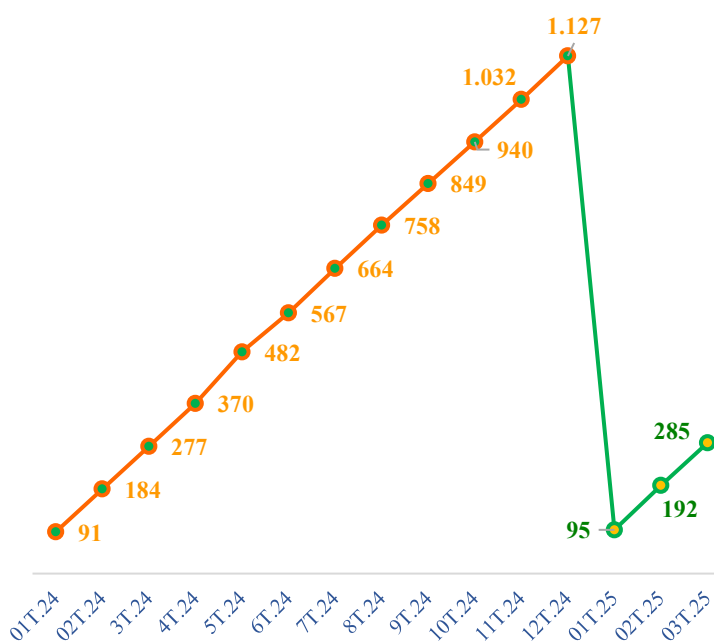
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ
(luỹ kế, tỷ đồng)



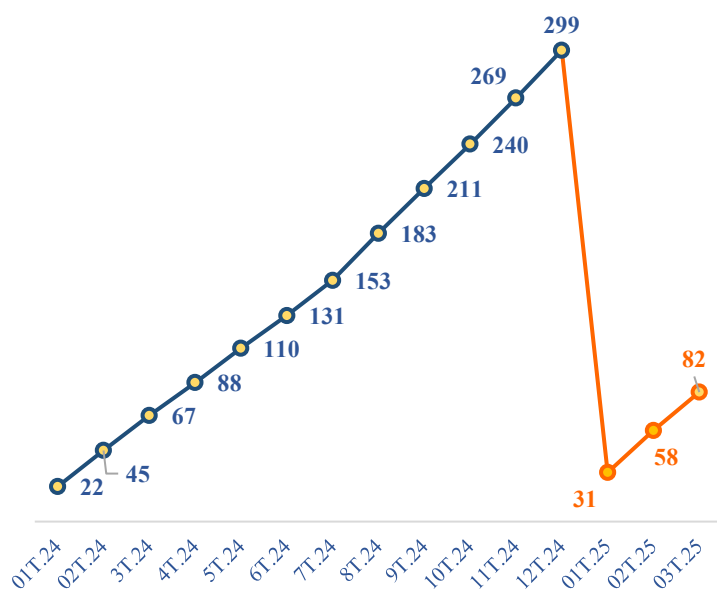
Doanh thu vận tải (luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(luỹ kế, tỷ đồng)



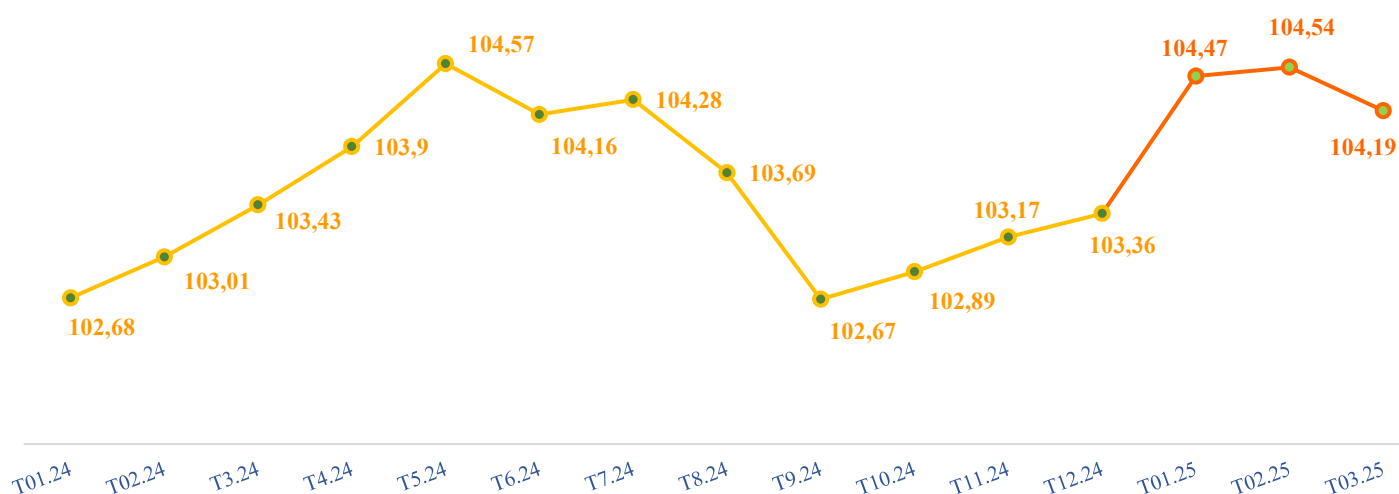


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

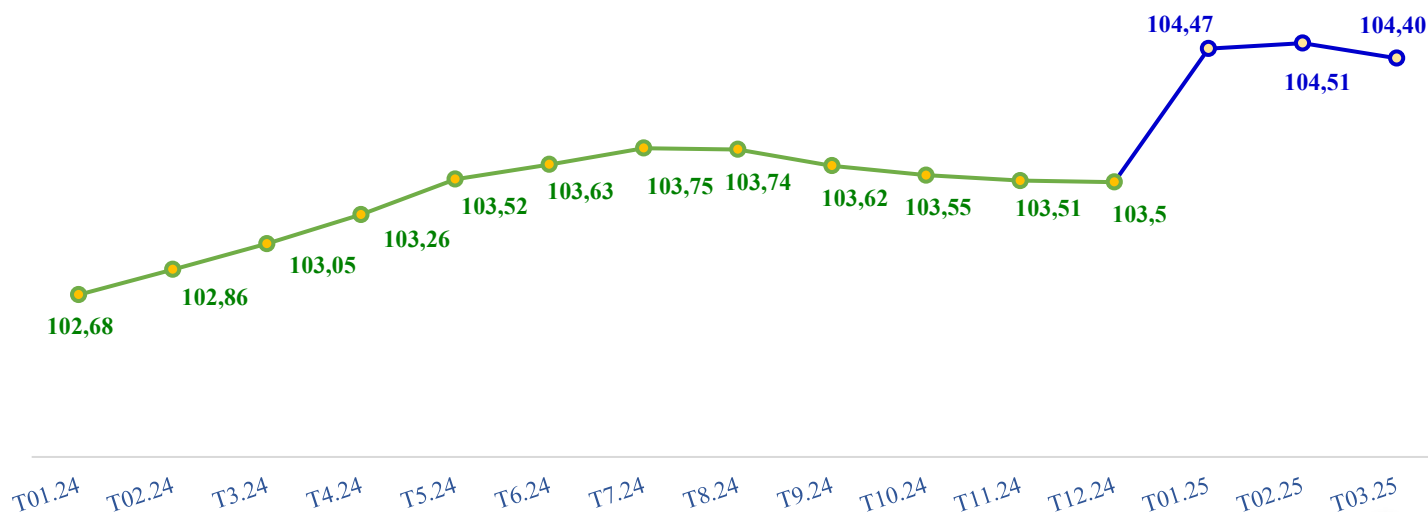
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (theo tháng, %)



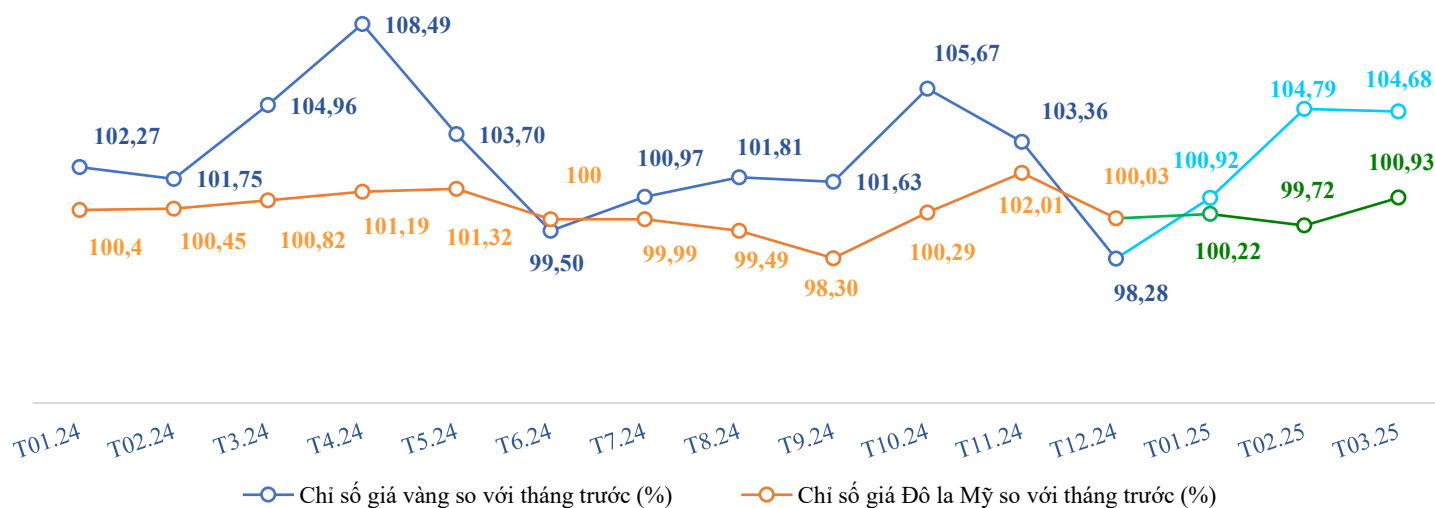
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



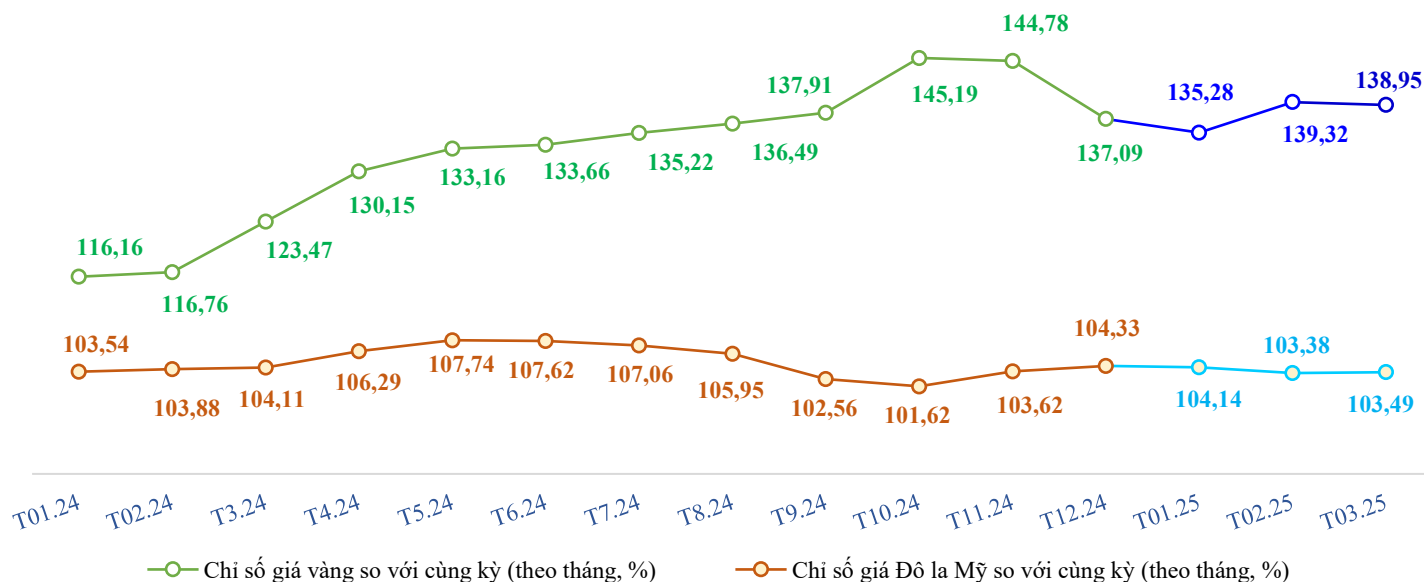


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

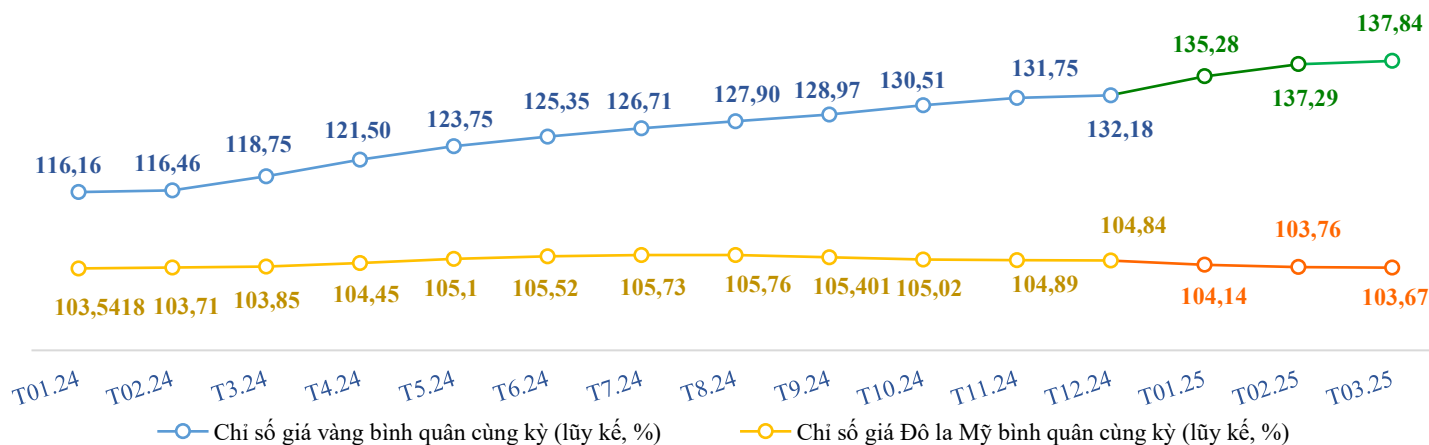
Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với tháng trước (%)



Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với cùng kỳ (theo tháng, %)



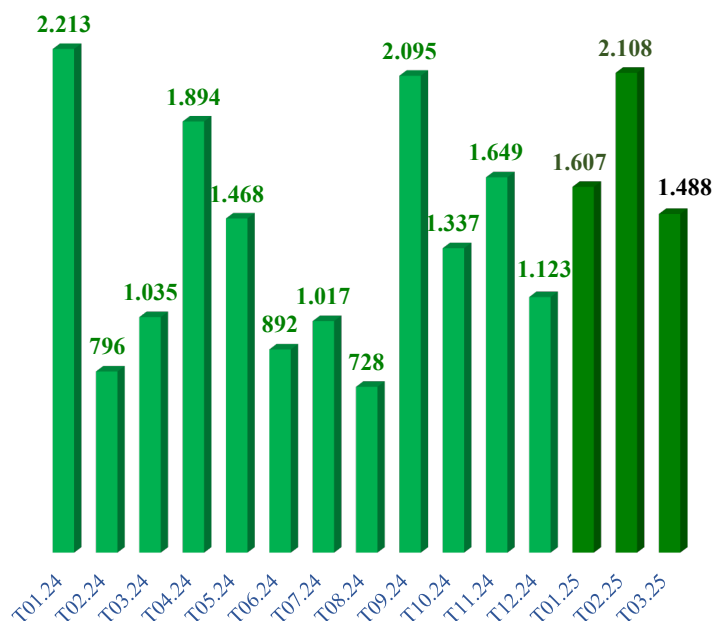
Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



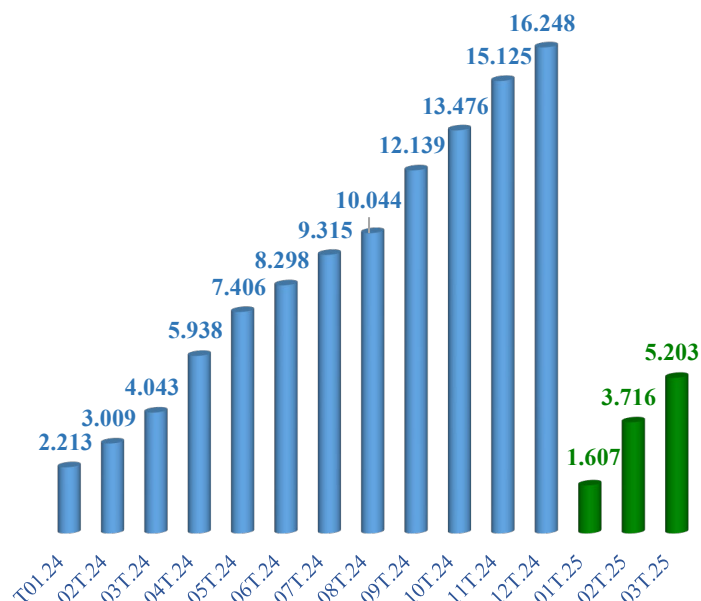


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

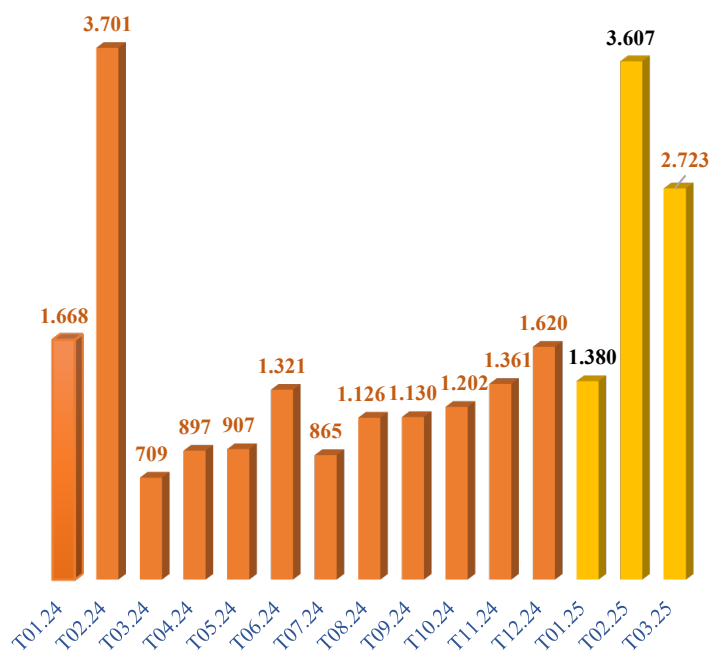
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(theo tháng, tỷ đồng)**



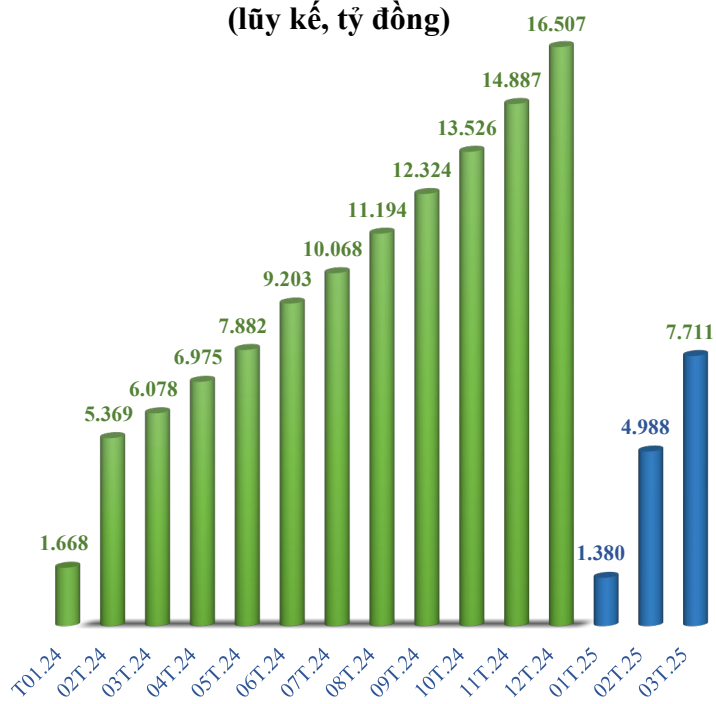
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(theo tháng, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



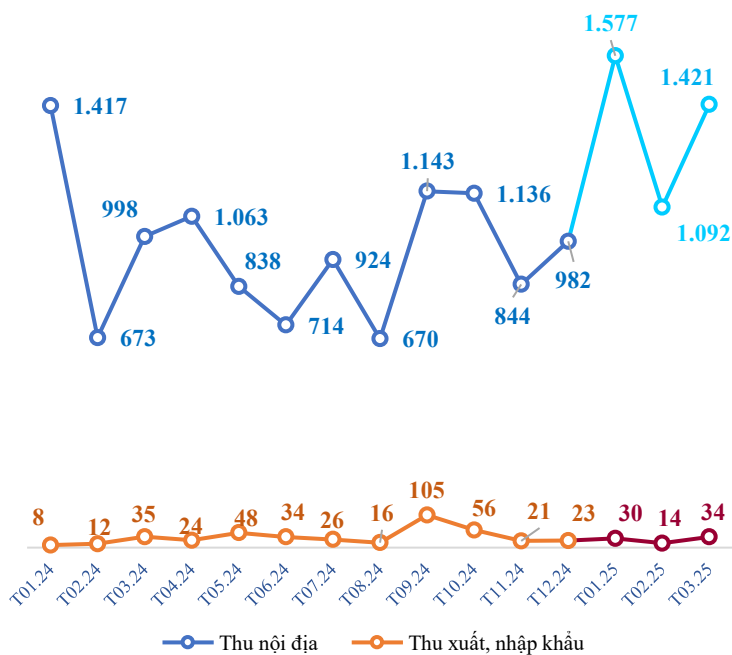
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 3 được cập nhật ngày 25/3/2025

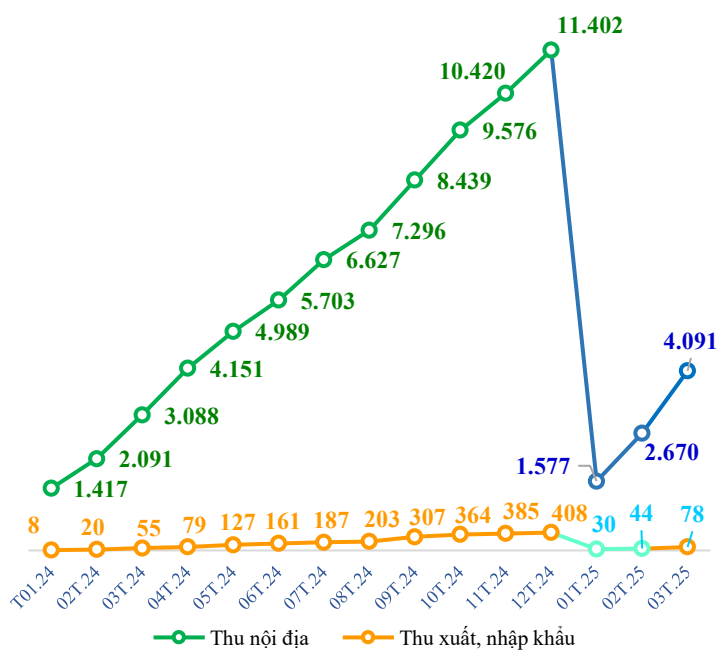


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*) (tiếp theo)

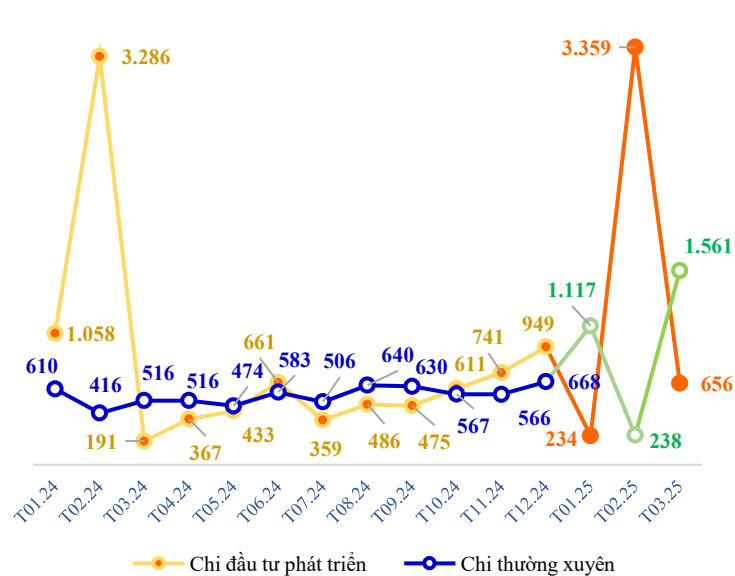
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu
(theo tháng, tỷ đồng)



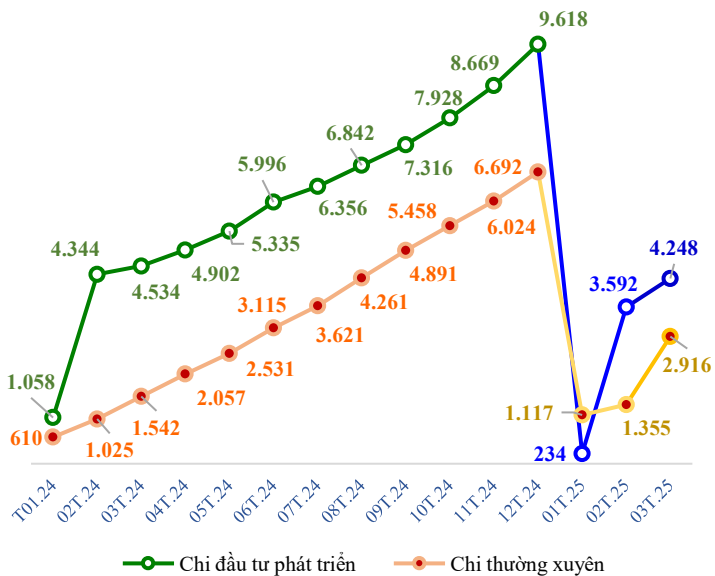
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu
(lũy kế, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên
(theo tháng, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên
(lũy kế, tỷ đồng)



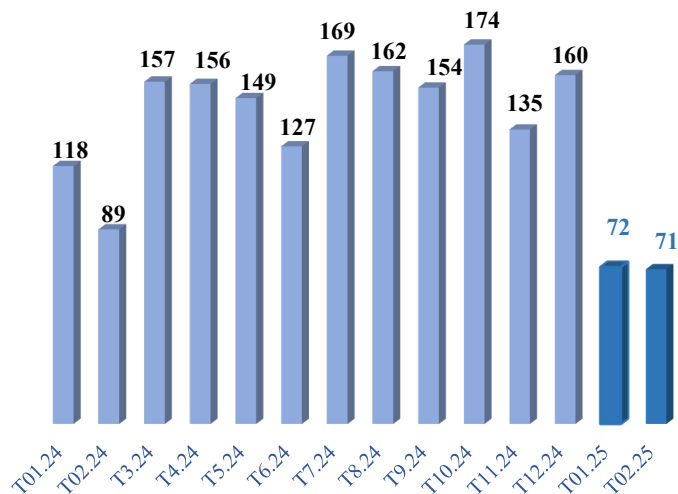
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 3 được cập nhật ngày 25/3/2025

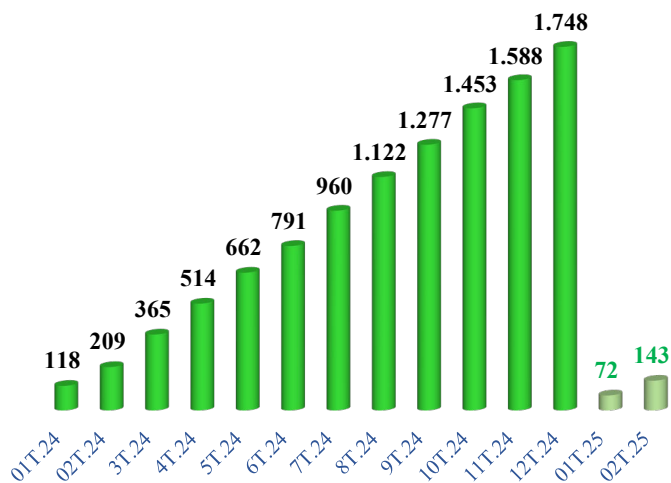


XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

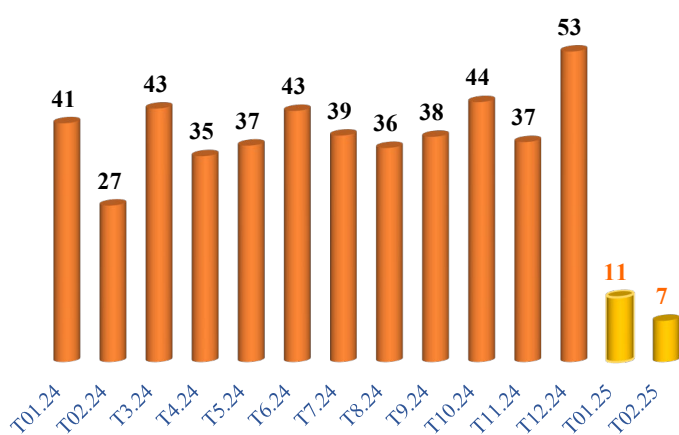
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



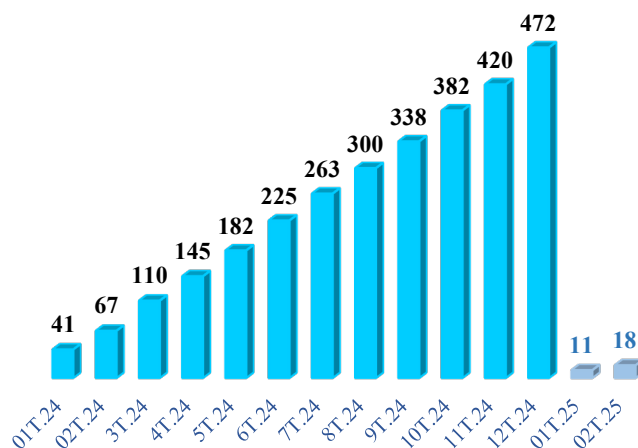
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)

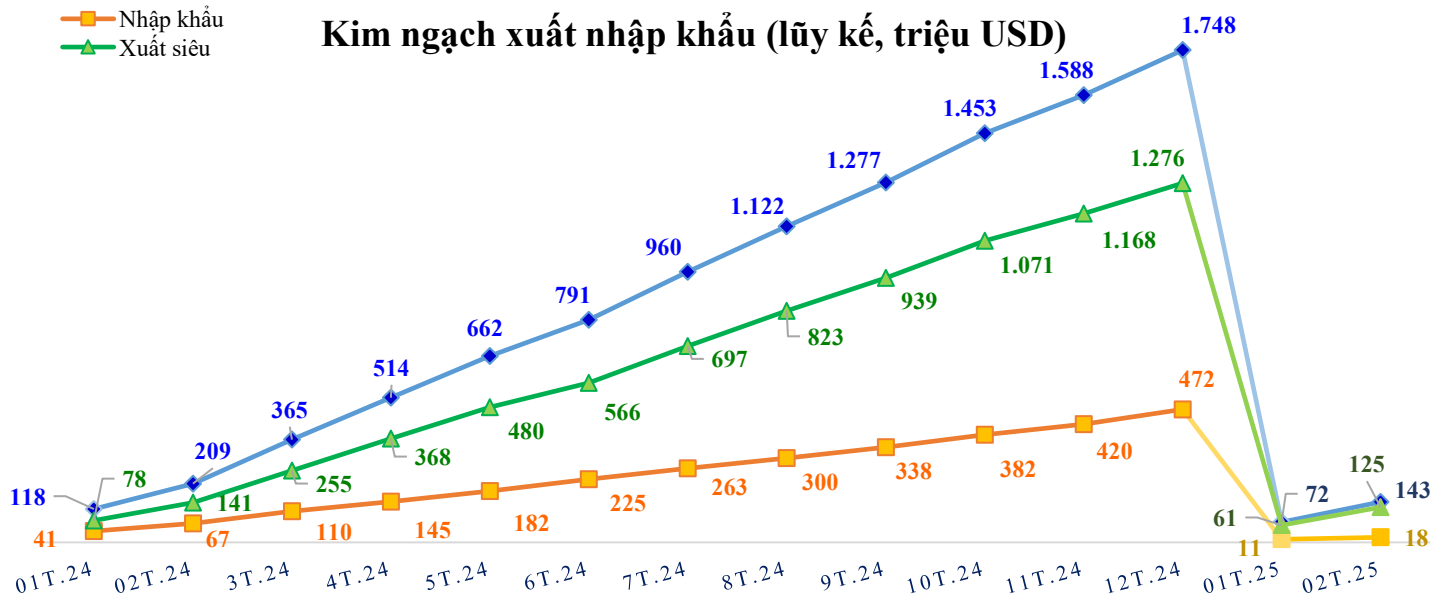


Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



- Xuất khẩu
- Nhập khẩu
- Xuất siêu

Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)

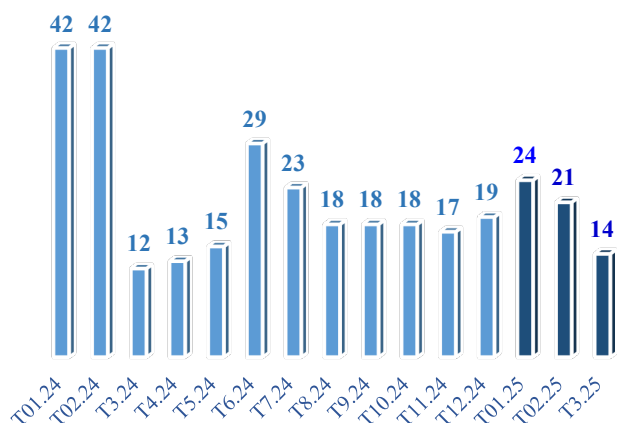


Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan (www.customs.gov.vn)
Cập nhật số liệu tháng 01/2025

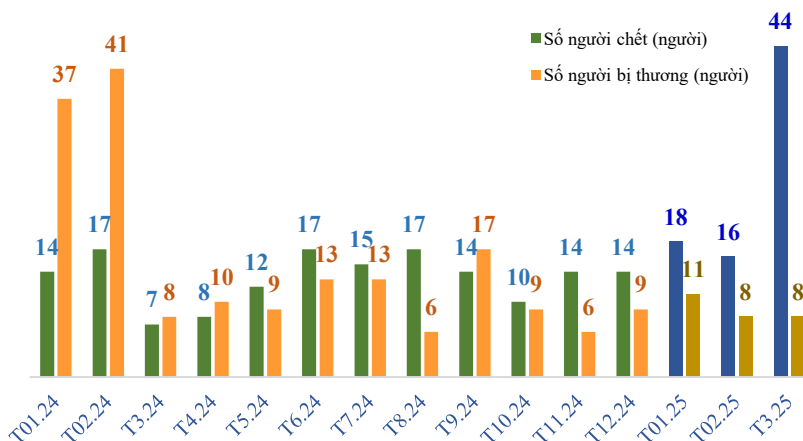


TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

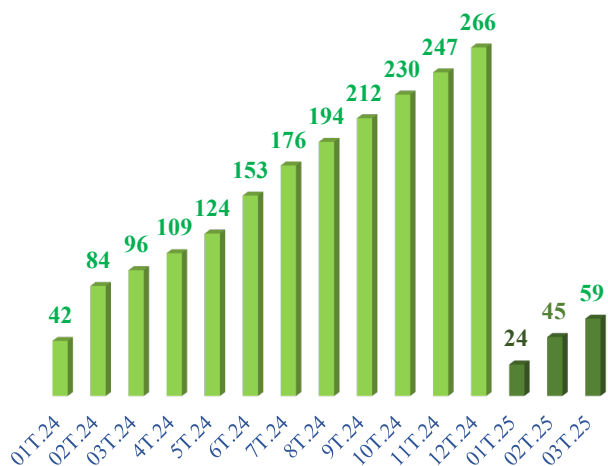
Số vụ tai nạn giao thông (theo tháng, vụ)



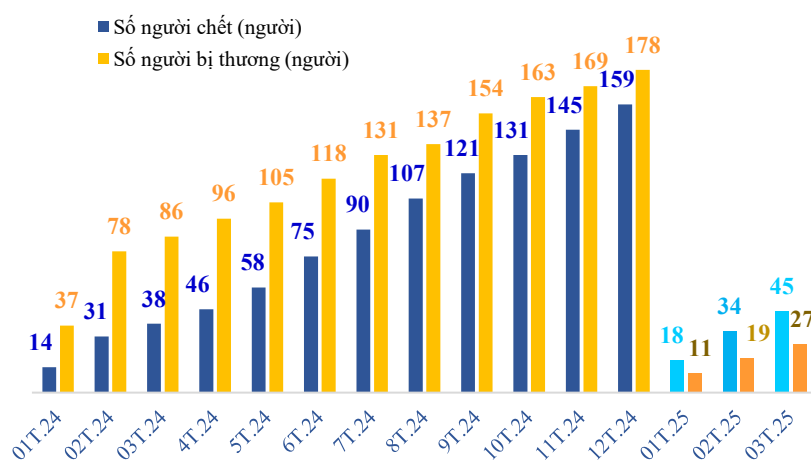
Số người chết và bị thương (theo tháng, người)



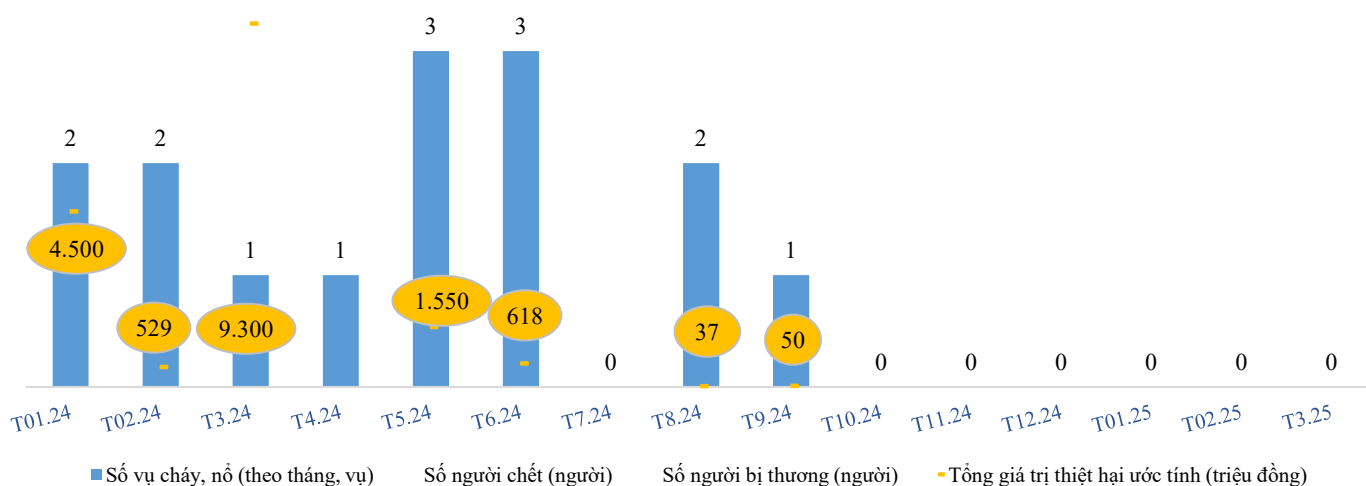
Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)



Số vụ cháy, nổ (theo tháng, vụ, thiệt hại)

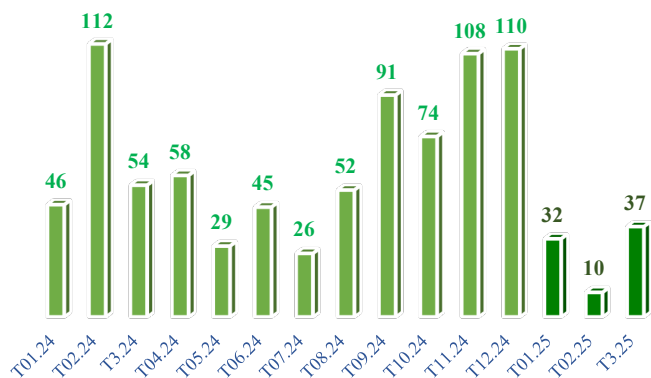


Nguồn: Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ

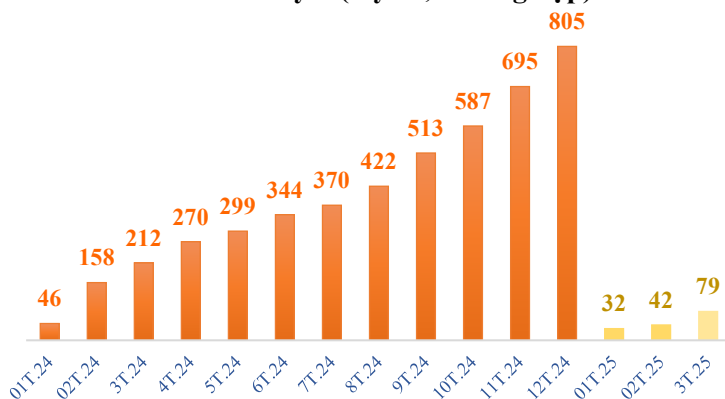


TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

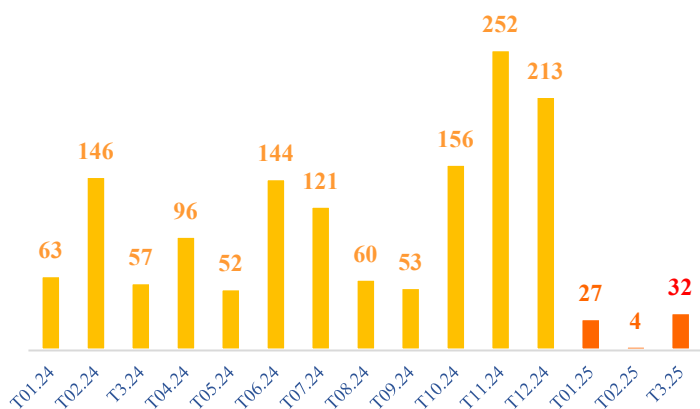
Sốt xuất huyết (theo tháng, trường hợp)



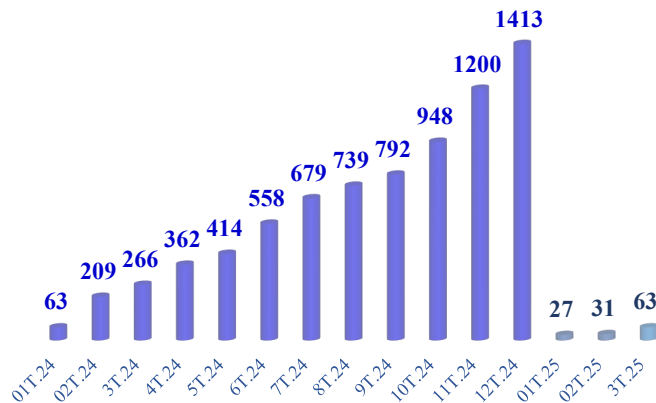
Sốt xuất huyết (lũy kế, trường hợp)



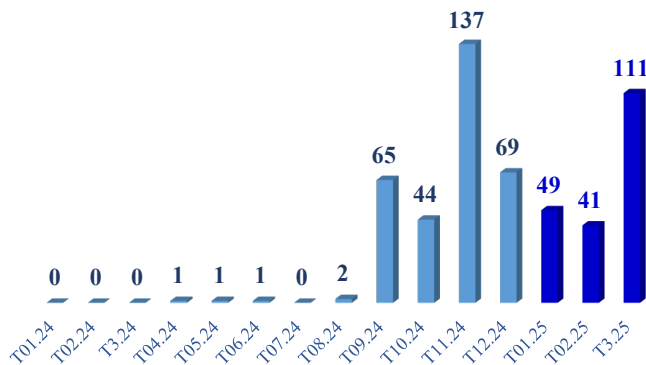
Tay chân miệng (theo tháng, trường hợp)



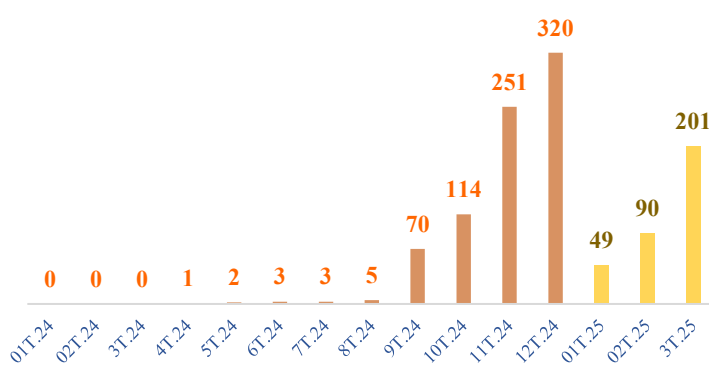
Tay chân miệng (lũy kế, trường hợp)



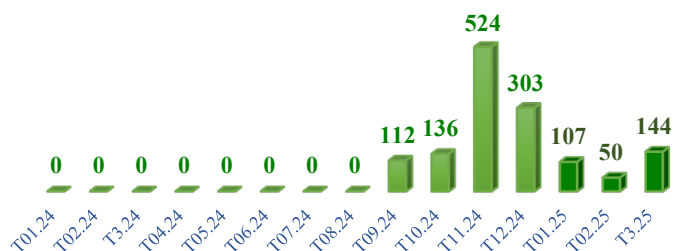
Sởi (theo tháng, trường hợp)



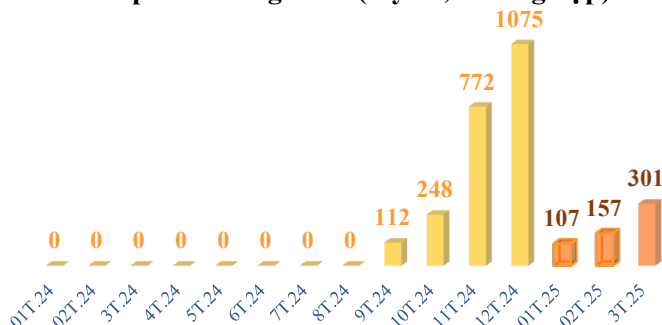
Sởi (lũy kế, trường hợp)



Sốt phát ban nghi sởi (theo tháng, trường hợp)



Sốt phát ban nghi sởi (lũy kế, trường hợp)



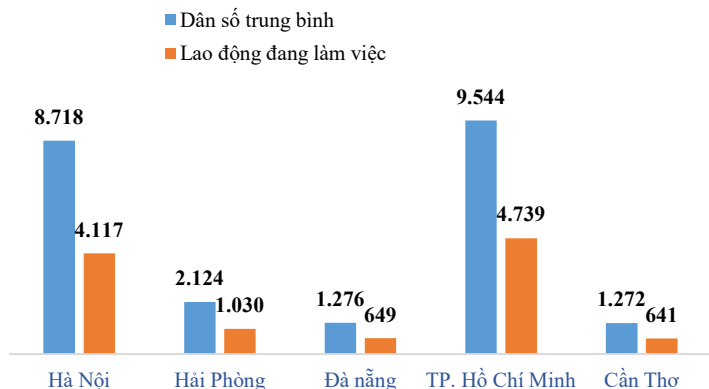
Nguồn: Sở Y tế thành phố

Cập nhật số liệu đến ngày 28/3/2025

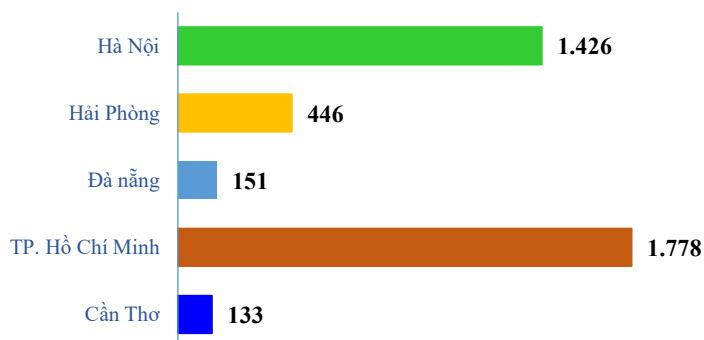


SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 5 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2024

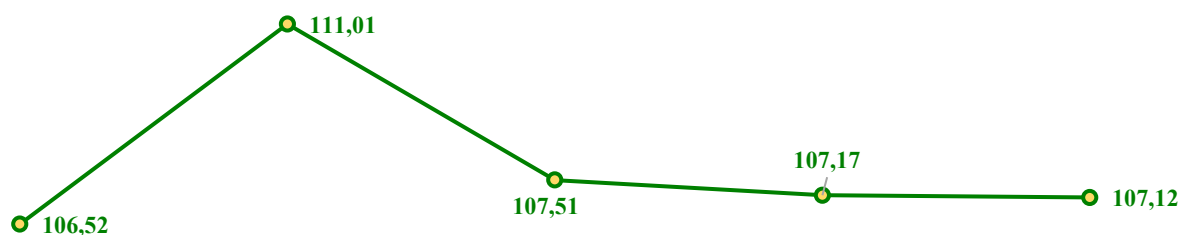
**Dân số trung bình và lao động đang làm việc
(nghìn người)**



**Quy mô GRDP theo giá hiện hành
(nghìn tỷ đồng)**



Tốc độ phát triển GRDP (%)



Hà Nội

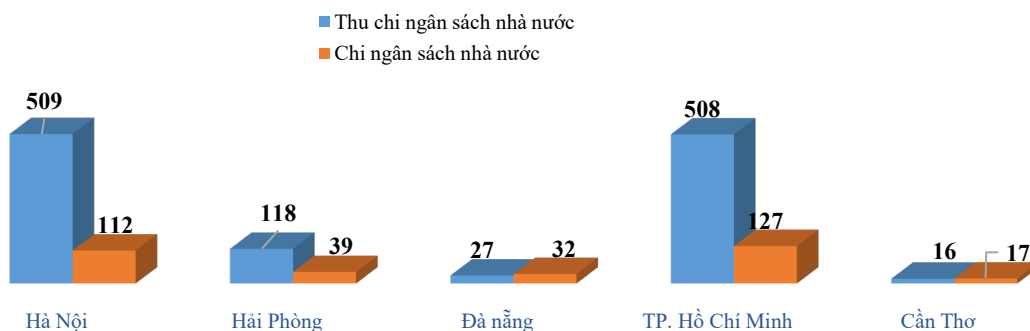
Hải Phòng

Đà Nẵng

TP. Hồ Chí Minh

Cần Thơ

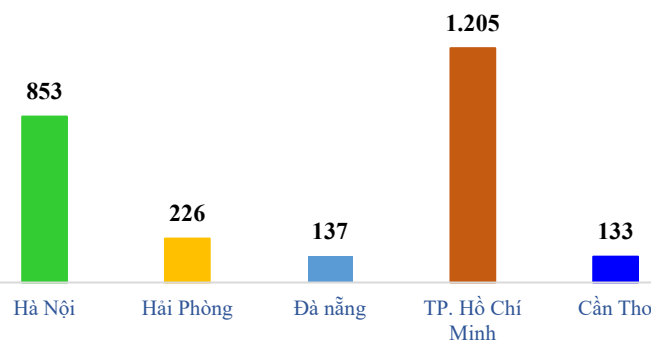
Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)



Chỉ số giá tiêu dùng (%)



**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu
dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: Cục Thống kê 5 thành phố lớn

CHXHCN VIỆT NAM

CỤC THỐNG KÊ

6 - 5 - 1946

**CHI CỤC THỐNG KÊ
TP CẦN THƠ**

CỤC THỐNG KÊ



<https://cucthongkecantho.gso.gov.vn>